

PHẬT THUYẾT ĐẠI AN BAN THỦ Ý KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

BÀI TỰA CỦA NGÀI KHƯƠNG TĂNG HỘI

Phàm An ban là Đại thừa của các Đức Phật, dùng cứu tế sự trôi dạt của chúng sinh. Việc ấy có sáu đề trị sáu tình. Tình có trong và ngoài. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý gọi là nội tình. Sắc thanh, hương, vị, xúc, tà niệm (tà niệm) gọi là ngoại tình. Kinh nói rằng, các biển có mười hai việc là gọi sự thọ tà hạnh của sáu tình trong và ngoài, giống như biển thọ nhận các đồng chảy, người đói mơ ăn cơm dường như không đầy đủ. Đồ chứa tâm tràn đầy, không vật nhỏ nào chẳng thấm, hoảng hốt, phảng phất, ra vào không gián đoạn, nhìn không thấy hình, nghe không có tiếng, ngược về trước không có, tìm về sau cũng không, vì tế thâm diệu hình thể không sợi tơ, cọng tóc, Phạm thiên, Đế Thích, Tiên thánh đã chẳng soi sáng, giống lặng yên đến đây hóa sinh ra ư? Đó chẳng phải là cái nhìn thấy của phàm phu gọi là ám. Giống như người gieo giống âm thầm kín đáo mở tay đổ hạt giống, chúng sinh sôi có đến hàng vạn ức mà người bên cạnh chẳng nhìn thấy hình dạng chúng, người gieo giống chẳng biết số lượng của chúng, một cái nát rơi xuống thì vạn cái mọc lên. Trong khoảnh khắc gãy móng tay, tâm có chín trăm sáu mươi là chuyển, một ngày một đêm có mười ba ức ý. Ý có một mà thân tâm chẳng tự biết, giống như người gieo giống kia vậy. Do đó dùng hạnh tịch tĩnh ràng buộc ý vào hơi thở đếm từ một đến mười. Đếm số mười chẳng lầm lẫn ý định tại đó. Tiêu định ba ngày, đại định bảy ngày, tịch tĩnh không ý niệm khác ngày ra như chết gọi là Nhất thiên. Thiên là bỏ vậy! Bỏ mười ba ức ý niệm dơ bẩn. Đã thu hoạch số định rồi thì chuyển niệm trước theo trừ sạch tám ý ấy mà chính có hai ý là ý định ở chỗ dựa theo, do ở pháp tính vậy. Cạn đục tiêu diệt, tâm hơi trong sạch thì gọi đó là Nhị thiên. Lại trừ đi sự chú ý vào đầu mũi ấy thì gọi là Chi. Được hạnh Chi thì ba độc chạy tứ tán, năm ám, sáu tối, các bản diệt hết. Được tâm thấp sáng vượt qua ngọc Minh nguyệt, lòng dâm tà bản giống như gương soi ở dưới bùn dơ lấm bẩn vậy. Ngửa lên dùng soi trời, úp xuống dùng thấu đất, sáng suốt thánh đạt vạn cõi soi thấu, tuy có cái lớn của trời đất, nhưng không một người mà có thể nhìn thấy. Sở dĩ vậy là do sự vẫn đục ấy. Mọi tâm cấu bản có thể vượt qua gương soi kia nếu được thầy giỏi nạo vót, mài dũa cho bụi mỏng, tối mờ quét sạch không còn. Đem tâm đó chiếu soi thì soi lông, cọng tóc nhỏ nhất mà không cái nhỏ nào chẳng rõ rệt. Bản lui đi, sáng còn lại khiến cho tâm ấy hiển nhiên vậy. Tình tràn đầy, ý tán loạn thì nghĩ muôn điều chẳng biết một vậy. Giống như ở chợ buông thả lòng nghe ngóng, rộng tiếp nhận mọi âm thanh, lui về ở yên, nghĩ suy chẳng nhận biết tiếng nói một người. Lòng buông ý thả, vẫn đục che sự thông suốt ấy. Còn như tự ở chỗ nhàn, tâm tư tịch mịch, chỉ không tà dục, kẻ tai lắng nghe thì vạn câu chẳng mất. Nửa lời nói ra ấy là do lòng lắng, ý trong vậy. Hành tịch, chỉ ý treo ở đầu mũi gọi là Tam thiên vậy. Trở lại quan sát thân ấy, từ đầu đến chân, ngược lại xét kỹ nước bản của nội thể, lông dựng đứng rậm rạp, còn nhìn thấy máu mù, nước miếng, nước mũi. Đối với tâm ấy đủ chiếu soi trời, đất, người, vật. Những thứ ấy thịnh hoặc suy, không còn cũng chẳng mất, tin Phật, Tam bảo, mọi tối đều sáng... Đó gọi là Tứ thiên. Nhiếp lấy tâm trở lại nghĩ các âm đều diệt. Đó gọi là trở lại. Uế dục lặng hết, tâm ấy vô tướng. Đó gọi là tịnh. Người được hạnh An ban thì lòng phát lạnh liền sáng. Dùng ánh sáng này quan sát thì không chỗ tối nào chẳng nhìn thấy, việc từ vô số kiếp, việc mới đến, sự đổi thay nhân vật, các cõi hiện tại. Trong đó sẵn có pháp hóa của Thế Tôn, việc tụng tập của đệ tử, không gì xa chẳng thấy, không tiếng gì chẳng nghe, hoảng hốt phảng phất, còn mất tự do, lớn khắp tám cực, nhỏ suốt mao ly, chẻ trời đất trụ mạng sống, thần đức mạnh hoại bệnh trời, khuấy động ba ngàn - di đời các cõi. Tám bát tư nghị chẳng phải chỗ Phạm thiên dò, thần đức vô hạn là do sáu hạnh. Khi Đức Thế Tôn bắt đầu muốn nói kinh ấy thì lớn đến chân động, người trời đổi sắc, ba ngàn An ban, người không thể tin. Đến đây, Đức Thế Tôn hóa làm hai thân, một là Hà Đăng, một là Tôn Chủ, diễn cho nghĩa ấy xuất hiện vậy. Đại sĩ, Thượng nhân sáu đôi, mười hai nhóm không ai chẳng chấp hành. Có vị Bồ-tát tên là An Thanh tự là Thế Cao, con của chính hậu vua nước An Tức, nhường nước cho chú đi lánh vào bản thổ, ngao du khắp nơi, sau cùng liền vào ở kinh sư. Ngài ấy là người học rộng, hiểu nhiều, thông suốt như thần, bày chính đây vui, phong khí tốt xấu, núi lở đất động, chiêm cứu... các thuật, nhìn sắc diện biết bệnh, chim thú hót kêu không âm thanh nào chẳng soi thấu, ôm sự rộng rãi của hai nghi thức. Thương

xót sự ngu tối của lê dân, ngài trước móc tai họ, rồi mở mắt họ, muốn cho họ nhìn sáng, nghe thông. Rồi từ từ mới diễn bày Lục độ chánh chân, ngài dịch kinh An ban bí mật thâm áo này. Người học mà bụi trần dấy lên thì không gì chẳng trừ khử, gặp ứ trước thì giữ gìn đạo đức thanh bạch vậy. Tôi sinh ra muộn màng, bắt đầu có thể vác củi thì cha mẹ chết mất, ba thầy vĩnh biệt, ngược nhìn mây bay, buồn không tin thọ, nói lời thương nhớ, nước mắt thấm rơi. Phước xưa chưa hết nên tôi được hội kiến với ngài Hàng Lâm ở Nam Dương, ngài Bì Nghiệp ở Dĩnh Xuyên và ngài Trần Tuệ ở Cối Kê. Ba vị Hiền giả này hết lòng tin đạo, chấp tri đức hạnh, hoằng dương chánh pháp, hăng hái tiến tới, chỉ đạo chẳng mệt mỏi. Tôi theo những vị ấy thỉnh vấn thì khuôn đồng phép hợp, nghĩa không sai khác. Ngài Trần Tuệ chú nghĩa, tôi giúp chêm chước, chẳng phải sự truyền dạy của thầy nên chẳng dám tự do. Lời nói của kẻ hèn nhiều vụng về, chẳng thấy ý Phật! Nguyên xin những vị Hiền minh Thánh triết cùng chung thẩm xét. Nghĩa cú thêm sự san định của bậc Thánh triết, chung hiển hiện thần dung.

PHẬT THUYẾT ĐẠI AN BAN THỦ Ý KINH

QUYỂN THƯỢNG

Đức Phật ở tại nước Việt kỳ, là nước Xá-kỳ-sâu cũng còn một tên là nước Già-nặc-ca-la.

Bấy giờ, Ngài ngồi thực hành An ban Thủ ý chín mươi ngày. Ngồi một mình chín mươi ngày là để suy nghĩ tính toán, muốn độ thoát con người và những loài biết cử động khắp mười phương. Ngài lại nói rằng:

- Ta hành An ban Thủ ý chín mươi ngày thì An ban Thủ ý được ý từ niệm tự tại. Rồi trở lại thực hành An ban Thủ ý, lại thu ý, thực hành niệm.

An là thân, Ban là hơi thở, Thủ ý là đạo. Thủ tức là cấm, cũng gọi là chẳng phạm giới. Cấm cũng là giữ, giữ là giữ khắp tất cả, không phạm điều gì. Ý là hơi thở, ý cũng là đạo vậy.

An là sinh, Ban là diệt, ý là nhân duyên, Thủ tức là đạo vậy.

An là đếm, Ban là theo dõi, Thủ ý là dừng vậy.

An là niệm đạo, Ban là giải kết, Thủ ý là chẳng rơi vào tội lỗi.

An là tránh tội, Ban là chẳng mắc tội, Thủ ý là đạo.

An là định, Ban là không làm cho lay động, Thủ ý là không loạn ý.

An ban Thủ ý gọi là chế ngự ý, đến được vô vi.

An là có, Ban là không. Ý niệm có chẳng được đạo, ý niệm không thì chẳng được đạo, cũng chẳng nghĩ có, cũng chẳng nghĩ không, chính là ứng với định không, ý theo đạo mà làm. Có thì gọi là muôn vật, không thì gọi là nghi, cũng gọi là trống rỗng vậy.

An là nhân duyên gốc, Ban là không xử sở. Đạo nhân biết vốn không từ đâu đến, cũng biết diệt không đi về đâu. Đó là Thủ ý vậy.

An là thanh, Ban là tịnh, Thủ là vô, Ý là vi. Đó là thanh tịnh vô vi. Vô là sống, vi là sinh, chẳng bị khổ nữa nên gọi là sống vậy.

An là chưa, Ban là khởi, do chưa khởi nên liền thủ ý. Nếu đã khởi ý thì thủ ý. Nếu ý đã khởi thì chạy đi, vì chẳng thủ nên phải làm cho nó trở lại. Vậy nên Đức Phật nói An ban Thủ ý vậy.

An là thọ năm ấm, Ban là trừ năm ấm, Thủ ý là hiểu biết nhân duyên, chẳng theo thân, miệng, ý. Thủ ý thì không vướng mắc vào đâu là thủ ý, có chỗ vướng mắc là chẳng thủ ý. Vì sao? Vì ý khởi rồi lại diệt. Ý chẳng khởi lên lại là đạo. Đó là thủ ý. Thủ ý là không khiến cho ý sinh. Làm phát sinh nhân có chết là chẳng thủ ý, không khiến cho ý chết; có chết nhân có sinh, ý cũng chẳng chết thì đó gọi là đạo.

An ban Thủ ý có mười thông tuệ là Sở tức, Tương tùy, Chi, Quán, Hoàn, Tịnh, Tứ đế. Đó là mười trí thành tựu; nếu hợp với kinh ba mươi bảy phẩm thì hạnh thành tựu.

Thủ ý ví như lửa đèn có hai công dụng: Một là phá trừ tối, hai là chiếu sáng, còn Thủ ý thì một là phá hoại si, hai là thấy tuệ.

Thủ ý thì ý từ nhân duyên sinh, sẽ duyên theo nhân duyên không chấp trước. Đó là Thủ ý.

Thủ ý có ba nhóm:

1. Giữ khiến cho chẳng được sinh.
2. Đã sinh thì phải mau chóng diệt.
3. Việc đã làm thì phải từ đây về sau kể hàng ức vạn kiếp, hồi hận chẳng làm lại nữa.

Thủ cùng ý đều khác nhau, giữ cho tất cả mười phương, biết đối pháp chẳng phạm thì đó là Thủ; biết đó là vô vi thì đó là ý. Đó là sự khác nhau của Thủ và Ý. Trong Thủ ý có bốn niềm vui:

1. Biết cái vui cần thiết.
2. Biết cái vui pháp.
3. Biết cái vui cao thượng.
4. Biết có vui thích đúng.

Pháp là hạnh, đặc là đạo. Sáu việc Thủ ý có trong, có ngoài. Sở, Tùy, Chỉ đó là ngoài? Quán, Hoàn, Tĩnh đó là trong là tùy theo đạo vậy. Vì sao? Vì niệm tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh là muốn tu tập ý gần đạo. Lìa khỏi sáu việc này là theo thế gian. Sở tức là ngăn chặn ý, tương tùy là thấu ý, chỉ là định ý, quán là lia ý, hoàn là nhất ý, tịnh là giữ ý. Do con người chẳng thể chế ngự ý nên hành sáu việc này. Vì sao sở tức? Do loạn ý vậy. Vì sao chẳng được? Do chẳng biết. Vì sao chẳng được thiên? Do chẳng bỏ tập để chứng diệt, thực hành đạo vậy!

Sở tức là đất, tương tùy là cày, chỉ là cái ách, quán là hạt giống, hoàn là mưa, tịnh là làm việc. Sáu việc như vậy mới theo đạo được. Sở tức cắt đứt bên ngoài, tương tùy cắt đứt bên trong, chỉ là dừng tội, hành quán từ bỏ ý, chẳng thọ thế gian là hoàn, niệm dứt là tịnh. Ý loạn phải sở tức, ý định phải tương tùy, ý dứt phải hành chỉ, muốn đắc đạo phải quán, chẳng hướng ngũ âm nên hoàn, không có sở hữu là tịnh. Nhiều việc phải sở tức, ít việc phải tương tùy, ý bên trong hết phải hành chỉ, sợ thế gian phải quán, chẳng muốn thế gian là hoàn, niệm dứt là tịnh vậy. Vì sao sở tức? Vì chẳng muốn theo năm âm. Vì sao tương tùy? Vì muốn biết năm âm. Vì sao Chỉ? Vì muốn quán sát năm âm. Vì sao quán âm? Vì muốn biết gốc của thân. Vì sao muốn biết gốc của thân? Vì muốn bỏ khổ. Vì sao hoàn? Vì chán sinh tử. Vì sao tịnh? Vì phân biệt năm âm chẳng thọ nhận, rồi theo tám con đường trí tuệ mà để được hiểu biết, mà đạt sở nguyện. Khi hành tức là tùy theo đếm, khi tương tùy là theo niệm, khi Chỉ là theo định, khi quán là theo tịnh, khi hoàn là theo ý, khi tịnh là theo đạo, cũng là theo hành vậy.

Sở tức là bốn Ý chỉ, Tương tùy là bốn Ý đoạn, Chỉ là niệm bốn Thần tức, Quán là năm căn và năm Lực, Hoàn là bảy Giác ý, Tĩnh là tám Chánh đạo vậy. Được Tức mà chẳng Tương tùy thì chẳng phải là Thủ ý. Được Tương tùy mà chẳng Chỉ thì chẳng phải là Thủ ý. Được Chỉ mà chẳng quán thì chẳng phải là Thủ ý. Được Quán mà chẳng Hoàn thì chẳng phải là Thủ ý. Được Hoàn mà chẳng Tĩnh thì chẳng phải là Thủ ý. Được Tĩnh mà lại Tĩnh mới là Thủ ý. Đã niệm Tức thì ác chẳng sinh. Lại thêm sở là cùng ngăn chặn ý, chẳng theo sáu suy. Hành Tương tùy là muốn lia sáu suy; hành Chỉ là muốn khước trừ sáu suy; hành Quán là muốn đoạn trừ sáu suy; hành Hoàn là muốn chẳng thọ sáu suy; hành Tĩnh là muốn diệt sáu suy; đã diệt hết thì theo đạo.

Sở tức là muốn ngăn chặn ý. Hơi thở có dài có ngắn nên phải lại ngăn chặn ý dài ý ngắn. Vì sao Thủ ý? Vì muốn dừng ác. Ác cũng có thể giữ, cũng chẳng thể giữ. Vì sao? Vì ác đã hết thì chẳng phải giữ vậy.

Sở tức có ba việc:

1. Phải ngồi mà thực hành.
2. Thấy sắc phải nghĩ là vô thường bất tịnh.
3. Phải hiểu sâu nhuế, ngu si, tật đổ khiến cho qua đi.

Sở tức loạn thì phải biết nhân duyên phát khởi, phải biết chính là nội ý.

Hơi thở thứ nhất loạn thì chính là lỗi của ngoại ý. Vì hơi thở từ bên ngoài vào.

Hơi thở thứ hai loạn thì chính là lỗi của nội ý vì hơi thở từ trong ra.

Hơi thở ba, năm, bảy, chín... thuộc về ngoại ý.

Hơi thở bốn, sáu, tám, mười... thuộc về nội ý.

Tật đổ, sân nhuế, ngu si là ba ý ở bên trong. Sát, đạo, dâm, hai lưỡi ác khẩu, nói dối, thêu dệt là bảy ý và các việc còn lại thuộc về bên ngoài. Được hơi thở là ngoài, chẳng được hơi thở là trong.

Hơi thở từ ý sinh ra, ý niệm, hơi thở hợp làm một lần đếm. Hơi thở hết thì đếm là một cũng chẳng phải là một vì ý ở ngoài, hơi thở chưa hết vậy. Ví như đếm tiền, ý ở số năm đếm là một. Sở tức sờ dĩ trước đếm hơi thở vào là vì bên ngoài có bảy ác, bên trong có ba ác. Do ít chẳng thể thắng nhiều nên trước đếm hơi thở vào. Sở tức chẳng được thì mất ý căn bản. Ý căn bản gọi là phi thường, khổ, không, phi thân. Mất ý này thì rơi vào điên đảo cũng là mất thầy. Thầy là khi bắt đầu ngồi, hơi thở hít vào thứ nhất mà được thân an thì liền theo thứ lớp tiến hành. Vì mất ý căn bản ấy nên chẳng được hơi thở. Khi Sở tức, ý thường phải nghĩ về phi thường, khổ, không, phi thân, đếm là hơi thở ra cũng diệt, hít vào cũng diệt. Biết được thế rồi thì được đạo mau chóng, phải giữ gìn ý sợ phi thường. Được ý này tức là được hơi thở vậy.

Hơi thở vào, hơi thở ra sờ dĩ khác là vì hơi thở ra là sinh tử ấm, hơi thở vào là tướng ấm. Có lúc hơi thở ra là thống dương ấm, hơi thở vào là thức ấm. Do đó nên là khác. Đạo nhân phải phân biệt ý này.

Hơi thở vào là chẳng thọ tội, hơi thở ra là trừ tội, thủ ý là lia khỏi tội.

Hơi thở vào là thọ nhân duyên, hơi thở ra là đến với nhân duyên, thủ ý là chẳng lia khỏi nhân duyên.

Sở tức chẳng được có ba lý do:

1. Tội đến.
2. Hành chẳng đáp đối nhau.
3. Chẳng tinh tấn.

Hơi thở vào ngắn, hơi thở ra dài, không có cái để nghĩ đến là ý đạo. Có cái để nghĩ là tội. Tội cốt ở ngoài chẳng ở trong. Khi sở tức, có lia khỏi ý là hơi thở nhanh dài, đạt được thờ là hơi thở nhanh ngắn. Chẳng an mà thờ là dài, an định mà thờ là ngắn. Nghĩ đến muôn vật thì thờ dài, không nghĩ gì là thờ ngắn. Chưa đến mười hơi thở mà quên đi rồi đếm lại thì hơi thở dài, được mười hơi thở thì hơi thở ngắn. Đạt được hơi thở là ngắn. Vì sao? Vì dùng chẳng đếm lại. Đạt được hơi thở cũng là dài. Vì sao? Vì hơi thở chẳng ngưng nên là dài. Thờ nhanh dài tự biết, thờ nhanh ngắn tự biết thì đó gọi là ý có mặt tự biết dài ngắn. Ý biết dài ngắn là tự biết. Ý chẳng biết dài ngắn là chúng tự biết vậy.

Đạo nhân hành An ban Thủ ý muốn dùng ý thì phải có nhân duyên gì mới được dùng ý? Phải nghe nói về An ban Thủ ý!

Thế nào là An? Thế nào là Ban? An là hơi thở vào, Ban là hơi thở ra. Niệm hơi thở chẳng lìa thì gọi là An ban. Thủ ý là muốn được dùng ý. Đối với người tu hành mới học thì có bốn thứ hành An ban Thủ ý; diệt trừ hai ác, mười sáu thắng, tức thời tự biết đến hạnh An ban Thủ ý, khiến cho họ được dùng ý.

Những gì là bốn thứ?

1. Đếm.
2. Tương tùy.
3. Dùng.
4. Quán.

Những gì là hai ác?

1. Không quá mười hơi thở.
2. Không giảm mười số.

Những gì mười sáu thắng?

1. Tức thời tự biết thở nhanh dài,
2. tức tự biết thở nhanh ngắn,
3. tức tự biết thở nhanh động thân,
4. tức tự biết thở nhanh yếu,
5. tức tự biết thở nhanh an ổn,
6. tức tự biết thở nhanh chẳng an ổn,
7. tức tự biết thở nhanh dùng,
8. tức tự biết thở nhanh chẳng dùng,
9. tức tự biết thở nhanh lòng hoan lạc,
10. tức tự biết thở nhanh lòng chẳng hoan lạc,
11. tức tự biết nội tâm nghĩ vạn vật đã qua đi chẳng thể trở lại,
12. tự biết đạt được hơi thở nhanh, tự biết bên trong không nghĩ gì,
13. tự biết ném bỏ việc suy nghĩ hơi thở nhanh,
14. tự biết chẳng ném bỏ sự suy nghĩ hơi thở nhanh,
15. tự biết buông bỏ thân mạng hơi thở nhanh,
16. tự biết chẳng buông bỏ thân mạng hơi thở nhanh tự biết.

Đó là mười sáu thứ tức thời tự biết.

Hỏi:

- Những gì là Không quá mười số? Không dưới mười số?

Đáp:

- Hơi thở đã hết mà chưa đếm thì đó là quá. Hơi thở chưa hết mà đếm thì đó là dưới. Mắt đếm cũng xấu, chẳng đếm kịp cũng xấu. Đó là hai thứ ác. Đến hơi thở thứ hai mà loạn là hơi thở ngắn. Đến hơi thở thứ chín mà loạn là hơi thở dài. Được mười hơi thở là hơi thở an ổn. Tương tùy là nhỏ. Ý tại hơi thở dài liền chuyển ý: vì sao ta nghĩ dài? Ý tại hơi thở ngắn thì tức thời hiểu chẳng được khiến cho ý dùng. Dùng là chấp trước. Buông bỏ thân mạng thì gọi là hành tức. Được ý đạo liền buông bỏ thân mạng, chưa được ý đạo thường yêu thích thân nên chẳng buông bỏ thân mạng.

Hơi thở vi tế là đạo, hơi thở dài là sinh tử. Hơi thở ngắn động là sinh tử. Dài đối với đạo là ngắn. Vì sao? Vì chẳng được ý đạo, không tri kiến nên là ngắn vậy. Số tức là đơn, tương tùy là kép, chỉ là một ý, quán là biết ý, hoàn là làm đạo, tịnh là vào đạo.

Khi đếm là niệm đến hơi thở thứ mười là giữ lại. Đó là thiền bên ngoài.

Nghĩ thân bất tịnh, theo sự trống rỗng thì đó là thiền bên trong.

Khi thiền mà ác pháp đến chẳng thọ thì đó gọi là bỏ. Ngâm miệng đếm hơi thở, theo luồng hơi ra vào, biết hơi phát ra ở đâu, diệt đi ở chỗ nào, Ý có điều nghĩ nhớ thì chẳng đếm hơi thở được. Ý có chậm nhanh, lớn nhỏ cũng chẳng đếm hơi thở được. Tai nghe thanh âm hỗn loạn cũng chẳng đếm hơi thở được vậy. Đếm hơi thở mớ ý ở tại số hơi thở là chẳng khéo. Hành ý ở tại ý thì là dừng, đếm hơi thở mà ý chỉ ở tại hơi thở thì đó là chẳng khéo. Phải biết rằng, ý từ đâu khởi thì hơi theo đó diệt. Đó mới ứng hợp với nhân duyên đếm hết thì liền được định ý.

Thủ ý là nghĩ hơi thở ra, vào. Đã nghĩ đến hơi thở thì chẳng sinh ra ác nên gọi là thủ ý.

Hơi thở thấy nhân duyên sinh, không nhân duyên diệt nhân duyên đoạn thì hơi thở dừng vậy.

Đếm hơi thở là chí thành, hơi thở chẳng loạn là nhẫn nhục. Đếm hơi thở vi tế, lại chẳng biết ra hay vào thì như vậy phải giữ một niệm là Chí vậy.

Hơi thở ở tại thân cũng ở bên ngoài. Được nhân duyên thì hơi thở sinh ra. Tội chưa hết nên có hơi thở. Đoạn dứt nhân duyên thì hơi thở chẳng sinh ra nữa.

Đếm hơi thở dùng làm thiền thứ hai. Vì sao? Vì do chẳng đợi niệm nên làm theo thiền thứ hai. Đếm hơi thở là chẳng thủ ý, niệm hơi thở mới là thủ ý. Hơi thở từ ngoài vào mà hơi thở chưa hết thì hơi thở ở tại nhập, ý ở tại tận, thức ở tại số vậy. Mười hơi thở có mười ý là mười bó buộc. Tương tùy có hai ý là hai bó buộc. Chỉ là một ý là một bó buộc, chẳng đếm được hơi thở là ác, vì ý chẳng thể bó buộc. Ác ý dùng thì mới đếm được. Đó là điều hòa có thể buộc ý được. Đã được hơi thở, bỏ hơi thở; đã được tương tùy, bỏ tương tùy; đã được chỉ, bỏ chỉ; đã được quán, bỏ quán, không trở lại. Không trở lại là không đếm hơi thở.

Hơi thở cũng sai khiến ý, ý cũng sai khiến hơi thở. Hơi thở có sở niệm là hơi thở sai khiến ý, không sở niệm là ý sai khiến hơi thở vậy. Hơi thở có bốn việc:

1. Gió.
2. Hơi.
3. Tức.
4. Suyễn.

Có tiếng là gió, không tiếng là khí, ra vào là tức, hơi ra vào bất tận là suyễn vậy. Sở tức cắt đứt bên ngoài, tương tùy cắt đứt bên trong.

Đếm từ ngoài vào là cắt đứt bên ngoài, cũng muốn lìa nhân duyên bên ngoài. Đếm từ trong ra là muốn lìa nhân duyên bên trong. Ngoài là ly thân, trong là ly ý. Ly thân, ly ý đó là tương tùy; hơi thở ra vào đó là hai việc vậy. Sở tức là muốn cắt đứt nhân duyên trong ngoài.

Những gì là trong ngoài?

Đó là nhãn, nhĩ, tỷ khẩu, thân, ý là bên trong. Sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt niệm là bên ngoài. Hành hơi thở là khiến cho ý hướng về không, chỉ muốn dùng những ý còn lại.

Thế nào là hướng về không?

Trong hơi thở không gì vậy!

Đếm hơi thở ý có rong ruổi không?

Tức thời biết là tội nặng, ý nhẹ, tội dẫn ý đi nhanh chóng nên chẳng biết vậy. Hành đạo rồi được hơi thở, tự chán hơi thở thì ý muốn chuyển chẳng muốn đếm. Như vậy mà được hơi thở. Tương tuyền, chỉ, quán cũng vậy. Biết hơi thở ra vào diệt mà diệt là được tướng của hơi thở và biết sinh tử, chẳng cho là được tướng sinh tử, rồi được Tứ Thiên mà chỉ niệm “không” là trồng cây đạo.

Hành hơi thở rồi được định, lại chẳng lại hay biết hơi ra vào thì liền có thể quán.

1. Phải quan sát năm mươi lăm việc.
2. Phải quan sát mười hai nhân duyên trong thân.

Hỏi:

- Hơi thở ra vào chắc có chỗ không?

Đáp:

- Khi hơi thở vào chính là chỗ ấy, khi hơi thở ra chính là chỗ ấy! Khi sỗ tức, thân ngồi, thông dương, tư tưởng, sinh tử thức dừng lại chẳng hành. Đó là ngồi. Niệm hơi thở được đạo, lại tính toán thì hơi thở không biết gì.

Hỏi:

- Niệm tức được đạo vì sao là không biết gì?

Đáp:

- Ý biết hơi thở, hơi thở không biết ý. Đó là không biết gì! Con người chẳng thể tính toán được ý, liền điều khiển đếm hơi thở là muốn khiến cho ý định. Tuy đếm hơi thở chỉ chẳng sinh ra ác nhưng không có thông tuệ. Phải hành những gì thì được thông tuệ? Phải đếm hơi thở từ một đến mười, phân biệt định loạn, hiểu biết phương cách đối trị. Đã được định ý thì liền theo thông tuệ. Nếu được tính toán là rơi vào quán vậy.

Hỏi:

- Những gì là đếm?

- Đếm thì gọi là sự việc. Ví như người có việc lại còn cầu tìm. Đó là tánh tội, còn đạo nhân thì tính phước. Vì sao chính là số mười. Một ý khởi lên tính là một, hai ý khởi lên tính là hai... cuối cùng tính đến mười mà đến mười là hết nên nói rằng số mười là phước. Lại người có tội thì do chẳng thể hủy hoại hơi thở nên là tội, cũng gọi là sinh tử của ý chẳng diệt. Rơi vào thế gian rồi chẳng cắt đứt việc thế gian là tội vậy. Sáu tính là sáu việc cùng thông dương, tư tưởng, sinh tử, thức hợp làm mười việc để ứng với mười hơi thở bên trong. Sát sinh, trộm cắp, dâm dật, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ, tật đố, sân nhuế, ngu si ứng với mười hơi thở bên ngoài. Đó gọi là dừng chẳng hành vậy.

Hỏi:

- Những gì là mười sáu việc?

Đáp:

- Mười sáu việc là đếm đến mười sáu thì gọi là số tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh. Đó là mười sáu việc, là hành động chẳng rời khỏi, là theo đạo vậy.

Hỏi:

- Số tức nghĩ đến gió là theo sắc, thì vì sao ứng với đạo?

Đáp:

Hành ý tại đạo, đếm chẳng nghĩ đến sắc, hơi hết liền diệt. Rơi vào vô thường mà biết vô thường là đạo vậy. Đạo nhân muốn đạt đạo thì cần phải biết hai việc ngồi, hành: một là ngồi, hai là hành.

Hỏi:

- Ngồi cùng hành là đồng hay chẳng đồng?

Đáp:

- Có lúc đồng có lúc chẳng đồng. Số tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh, sáu việc này có khi là ngồi, có khi là hành. Vì sao? Vì số tức định ý đó là ngồi, ý theo pháp đó là hành. Đã khởi lên ý chẳng rời khỏi là hành, cũng là ngồi vậy. Pháp tọa thiền thì một chẳng tính hai, hai chẳng tính một. Một mà tính hai là đếm một hơi thở chưa hết liền nói rằng hai thì đó là một tính ra hai. Như vậy là vượt qua. Hai tính một là hơi thở đã vào là hai. Mà nói là một. Đó là hai tính một. Như vậy là đếm chẳng kịp. Từ ba đến bốn, năm đến sáu, bảy đến tám, chín đến mười đều tự có phân biệt sắp xếp, phải phân biệt sự tùy thuộc, ở một tính một, ở hai tính hai. Đó pháp thực hành theo trình tự đi lên. Có ba cách ngồi tùy theo đạo:

1. Ngồi đếm hơi thở.
2. Ngồi tụng kinh.
3. Ngồi hoan hỷ nghe kinh.

Đó là ba vậy.

Ngồi có ba thứ:

1. Ngồi vị hợp.
2. Ngồi tịnh.
3. Ngồi không có kết.

Thế nào là ngồi vị hợp? Đó là ý đặt vào hành động chẳng rời, gọi là ngồi vị hợp.

Sao gọi là ngồi tịnh? Gọi ngồi chẳng niệm là ngồi tịnh.

Sao gọi là ngồi không có kết? Đó là kết sử đã hết, gọi là ngồi không có kết vậy.

Hơi thở có ba nhóm:

1. Hơi thở tạp.
2. Hơi thở tịnh.
3. Hơi thở đạo.

Chẳng làm đạo đó là hơi thở tạp. Đếm đến mười hơi thở chẳng loạn thì đó là hơi thở tịnh. Đã được đạo thì đó là hơi thở đạo vậy. Hơi thở lại có ba nhóm, có hơi thở lớn, có hơi

thở trung, có hơi thở vi tế. Miệng có nói gọi là hơi thở lớn dùng, niệm đạo là hơi thở trung dùng, được Tứ thiên là hơi thở vi tế dùng vậy.

Hỏi:

- Vì sao Đức Phật dạy người đếm hơi thở để Thủ ý?

Đáp:

- Có bốn nhân duyên:

1. Do chẳng muốn đau.
2. Do tránh loạn ý.
3. Do đóng lại, chẳng muốn gặp gỡ sinh tử.
4. Muốn được đạo Nê-hoàn.

Ví như nói mặt trời không ánh sáng thì có bốn nhân duyên:

1. Do có mây.
2. Do có bụi.
3. Do có gió lớn.
4. Do có khói.

Đếm hơi thở chẳng được cũng có bốn nhân duyên:

1. Do niệm sinh tử tính toán.
2. Do ăn uống nhiều.
3. Do mệt mỏi cực nhọc.
4. Do ngồi chẳng được lại thêm gốc tội lỗi.

Bốn việc này đến đều có tướng. Ngồi đếm hơi thở mà bỗng nhiên nghĩ đến việc khác thì làm mất đi ý của hơi thở, đó là tướng của niệm tính toán. Xương cốt đau hết chẳng thể ngồi lâu. Đó là tướng của ăn nhiều. Thân nặng nề, ý mơ màng chỉ muốn ngủ nghỉ, đó là tướng mệt mỏi. Ngồi mãi mà chẳng đếm được một hơi thở thì đó là tướng của gốc tội lỗi. Do biết tội phải kinh hành. Hoặc ngồi đọc kinh văn, ý chẳng tập quen tội thì họa cũng tiêu tan vậy. Đạo nhân hành đạo phải nghĩ đến gốc. Những gì là gốc? Tâm, ý, thức, chính là gốc. Ba cái này đều chẳng thấy, sinh ra rồi liền diệt, ý gốc chẳng sinh ra lại, được ý này là đạo. Ý gốc của ý đã diệt thì không có đau, lại thêm nhân duyên sinh liền cắt đứt vậy. Định ý càng ngày càng tiến bộ hơn. Vì định ý có lúc từ đếm hơi thở được, có lúc từ tương tùy được, có lúc từ chỉ được, có lúc từ quán được. Tùy theo nhân duyên được định ý mà trực tiếp tu hành. Hành hơi thở cũng rơi vào tham. Vì sao? Vì ý đã định thì liền vui mừng nên liền chấp hơi thở ra, hơi thở vào. Khi niệm diệt, hơi thở sinh ra thì thân sinh ra, hơi thở diệt thì thân diệt, còn chưa thoát khỏi khổ sinh tử. Vì sao? Vì vui mừng rồi thì cho là như vậy nên liền tham mà dừng lại vậy.

Đếm hơi thở muốn mau, tương tùy muốn chậm, có lúc đếm hơi thở phải chậm rãi, có lúc tương tùy phải nhanh chóng. Vì sao? Vì đếm hơi thở mà ý chẳng loạn thì phải chậm rãi, đếm hơi thở mà ý loạn thì phải là nhanh chóng. Tương tùy cũng đồng như vậy.

Đếm lần thứ nhất cũng khác với sở niệm của tương tùy! Tuy đếm hơi thở phải biết hơi ra vào, nhưng ý đặt ở tại số vậy.

Đếm hơi thở lại đi với tương tùy. Chỉ, quán là chẳng đếm được hơi thở vì đời trước có tập quen tương tùy. Chỉ, quán tuy được tương tùy nhưng chỉ, quán phải trở lại từ việc đếm hơi thở mà khởi lên vậy.

Đếm hơi thở mà ý chẳng lia thì đó là lia pháp, chẳng phải pháp. Đếm hơi thở thì ý chẳng tùy theo tội. Ý ở tại thể gian thì liền rơi vào tội lỗi vậy.

Đếm hơi thở là chẳng muốn ý loạn. Ý do chẳng loạn lại hành tương tùy thì chứng tiếp ý cao hơn và biết là chi. Chi cùng quán đồng, hoàn cùng tịnh đồng vậy. Hành đạo được ý vi tế thì phải đảo ý là phải trở lại đếm hơi thở.

Nếu đọc kinh rồi mới lại hành thiền mà ý vi tế thì chẳng đếm hơi thở và hành tương tùy vậy.

Đức Phật có sáu ý thanh khiết là: Đếm hơi thở, tương tùy, chi, quán, hoàn, tịnh. Đó là sáu việc có thể chế ngự vô hình vậy. Hơi thở cũng là ý, cũng chẳng phải là ý. Vì sao? Vì khi đếm ý ở ngay tại hơi thở. Khi chẳng đếm thì ý và hơi thở đều tự hoạt động. Đó là chẳng phải ý từ hơi thở sinh ra. Chỉ thì không có ý vậy.

Có người chẳng sai khiến ý mà ý sai khiến con người. Người sai khiến ý là đếm hơi thở, tương tùy, chi, quán, hoàn, tịnh, niệm kinh ba mươi bảy phẩm, đó là sai khiến ý. Có người chẳng hành đạo, tham câu theo dục thì đó là ý sai khiến con người vậy. Hơi thở có hơi thở bản mà bản chẳng khứ trừ thì chẳng được hơi thở.

Những gì là dơ bản của hơi thở? Đó là ba thứ tối kịch liệt trong các tối, là cấu bản của hơi thở.

Những gì là ba tối? Đó chính là sự tối tăm trong thân khí ba độc khởi lên nên nói ba tối. Ba độc:

1. Tham dâm.
2. Sân nhuế.
3. Ngu si.

Con người đều vì ba việc này mà chết nên nói là độc vậy.

Khi đếm hơi thở, ý ở tại đếm; khi hơi thở chưa đếm thì có ba ý: Có ý thiện, có ý ác, có ý chẳng thiện chẳng ác. Người muốn biết đặc tướng hơi thở thì phải quan sát muôn vật và những sắc đẹp, ý chẳng lại chấp trước thì đó là đặc tướng hơi thở, còn ý lại chấp trước thì đó là chưa đặc, phải lại tinh tấn.

Hành giả muốn trừ hết ý thì phải biết là gọi sáu tình là nhà của ý, tham ái muôn vật đều là nhà của ý vậy. Tương tùy là gọi việc làm pháp thiện mà từ đó được giải thoát. Phải cùng với tương tùy, cũng gọi là chẳng theo năm ấm, sáu nhập. Hơi thở cùng ý theo nhau vậy.

Hỏi:

- Thứ ba là Chi vì sao dừng ở đầu mũi?

Đáp:

- Do đếm hơi thở, tương tùy, chi, quán, hoàn, tịnh đều từ mũi ra vào. Ý quen chỗ cũ, cũng là dễ nhận biết. Do đó nên đặt ở đầu mũi vậy. Ác ý đến thì cắt đứt là Thiền. Có lúc dừng lại ở đầu mũi, có lúc dừng lại ở trong tâm. Ở tại chỗ dừng lại là chi. Khi tà đến làm loạn ý người thì Quán thẳng vào một việc, các ác đến tâm sẽ không động, vì tâm chẳng sợ! Chi có bốn:

1. Số đếm.
2. Chi tương tùy.
3. Chi đầu mũi.

4. Chỉ dứt tâm.

Chỉ nghĩa là phải chế ngự làm dừng lại năm lạc, sáu nhập vậy.

Hơi thở vào đến hết, dừng ở đầu mũi, nghĩa là ác chẳng vào nữa, đến đầu mũi dừng lại.

Hơi thở ra đến hết thì đặt ở đầu mũi, nghĩa là ý chẳng lia khỏi thân hành hướng theo ác nên đặt ở đầu mũi. Cũng có nghĩa là hơi thở khí mới vào, liền nhất niệm hướng về chẳng chuyển đổi, hơi thở ra vào cũng chẳng biết thì đó là Chỉ vậy.

Chỉ là như hơi thở ra, hơi thở vào ý biết trước khi ra, chẳng biết sau khi ra. Hay biết trước là ý quan sát lẫn nhau, tức là xem xét hơi thở ra vào thấy suy bại, tức là thọ tướng sơ sinh tử, tức là khước từ ý, theo tướng đạo ý vậy.

Không tương tùy là chỉ đặt niệm ở đầu mũi, chẳng nghĩ đến nhân duyên năm ấm. Tội đoạn, ý diệt cũng chẳng thờ mau. Đó là Chỉ vậy.

Không tương tùy nghĩa là không có ý niệm ra vào nữa, theo nhân duyên năm ấm, lại chẳng thờ mau.

Thứ tư là Quán, khi quán hơi thở hoại cùng quán thân thể khác với hơi thở thì thấy nhân duyên sinh, không có nhân duyên diệt. Tâm ý thọ tướng là ý muốn có sở đắc. Tâm cho là nhân duyên hội tụ thì phải diệt vong, liền cắt đứt ý muốn, chẳng hướng đến nữa. Đó gọi là tâm ý thọ tướng.

Do nhận thức được nhân duyên mà cùng quan sát lẫn nhau, nghĩa là biết được nhân duyên năm ấm. Hơi thở ra cũng quán, hơi thở vào cũng quán mà quán nghĩa là quan sát năm ấm. Đó gọi là cùng quán, cũng ứng với ý và ý quan sát lẫn nhau, là nhân duyên đôi, ở bên trong cắt đứt ác mà niệm đạo vậy.

Quán hơi thở ra khác, hơi thở vào khác, nghĩa là hơi thở ra là sinh tử ấm, hơi thở vào là tư tướng ấm. Có lúc hơi thở ra là thông dương ấm, hơi thở vào là thức ấm. Tùy theo nhân duyên khởi lên là thọ ấm. Chỗ hướng về của ý không có thường dùng, cho nên là khác. Đạo nhân nên phân biệt để biết, cũng gọi là hơi thở ra diệt, hơi thở vào sinh, hơi thở vào diệt, hơi thở ra sinh vậy. Không có nghĩa là ý người và ý vạn vật khởi lên rồi diệt, vật sống lại chết. Đó là không có vậy.

Chẳng phải hơi thở ra là hơi thở vào, chẳng phải hơi thở vào là hơi thở ra. Chẳng phải nghĩa là khi hơi thở ra thì ý chẳng niệm hơi thở vào, khi hơi thở vào ý chẳng niệm hơi thở ra. Do sở niệm khác nên nói là chẳng phải vậy. Trung tín nghĩa là vào trong đạo thấy nhân duyên của đạo mà tin đạo. Đó là trung tín vậy.

Thứ năm là Hoàn bỏ kết, nghĩa là bỏ bảy ác của thân. Thứ sáu là Tịnh bỏ kết, nghĩa là bỏ ba ác của ý. Đó gọi là hoàn. Hoàn tức là ý chẳng khởi ác nữa. Ác là chẳng hoàn; Hoàn thân nghĩa là hoàn ác. Đạt được thứ năm là hoàn thì còn có thân mà cũng không thân. Vì sao? Vì có ý thì có thân, không ý thì không thân. Ý là hạt giống của người. Đó gọi là hoàn.

Hoàn nghĩa là ý chẳng khởi ác. Khởi ác thì đó là chẳng hoàn, cũng gọi là trước giúp thân, sau giúp ý. Chẳng sát, đạo, dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, đó là giúp thân. Chẳng tật đố, sân nhuế, ngu si, đó là giúp ý.

Hoàn ngũ ấm thì ví như mua vàng mà được đá liền ném bỏ xuống đất chẳng dùng. Con người tham ái năm ấm bị thông khổ liền chẳng muốn. Đó là hoàn ngũ ấm vậy.

Thế nào là thấy chỗ diệt tận?

Đó là không sở hữu. Đó là chỗ diệt.

Hỏi:

- Đã không sở hữu thì vì sao gọi là chỗ?

Đáp:

- Chỗ không sở hữu có bốn chỗ:

1. Loài chim lấy không trung làm chỗ.
2. La-hán lấy Nê-hoàn làm chỗ.
3. Đạo lấy không có làm chỗ.
4. Pháp ở tại chỗ quan sát vậy.

Hơi thở ra, hơi thở vào thọ tướng của năm ấm nghĩa là ý tà niệm mau chóng chuyển trở lại chánh niệm do sinh tinh giác mà cắt đứt thọ tướng năm ấm. Nói rằng thọ nghĩa là thọ tướng chẳng thọ vậy. Do thọ tướng năm ấm nên biết khởi ở đâu và diệt ở đâu.

Diệt là thọ mười hai nhân duyên. Con người từ mười hai nhân duyên sinh ra, cũng từ mười hai nhân duyên chết đi. Chẳng niệm là chẳng niệm năm ấm vậy. Biết khởi ở đâu, diệt ở đâu nghĩa là nhân duyên thiện ác khởi lên liền lại diệt đi, cũng gọi là thân, cũng gọi là hơi sinh diệt.

Niệm thì sinh, chẳng niệm thì diệt, ý cùng thân đồng đẳng nhau. Đó là cắt đứt đường sinh tử. Tại vòng sinh tử này, tất cả việc ác đều từ ý đến vậy. Hôm nay chẳng trước kia, trước kia chẳng là hôm nay, nghĩa là niệm trước đã diệt thì niệm bây giờ chẳng phải là niệm trước đó. Cũng có nghĩa là việc làm đời trước và việc làm đời nay đều tự được phước riêng. Cũng có nghĩa là việc làm thiện hôm nay chẳng phải là việc làm ác trước kia. Cũng nghĩa là hơi thở bây giờ chẳng phải là hơi thở trước đó, hơi thở trước đó chẳng phải hơi thở bây giờ vậy. Vì sinh tử phân biệt tức là ý niệm sinh thì liền sinh ra, ý niệm diệt thì liền diệt đi nên nói rằng sinh tử. Phải phân biệt vạn vật và thân, phước quá khứ, vị lai đã hết.

Vì sao vậy? Vì hết là do sinh ra liền diệt, mà diệt thì liền hết. Đã biết hết thì phải tận lực cầu vậy. Nhìn lên đầu không sở tung lai nghĩa là người không từ đâu đến mà ý khởi lên là người. Cũng nghĩa là người chẳng tự làm người đến, tức là có chỗ từ đó đến, người tự làm tự được, đó là vô sở tung lai vậy. Sinh tử phải phân biệt, nghĩa là biết phân biệt năm ấm. Cũng nghĩa là biết phân biệt sinh tử của ý, ý của người là thường. Biết không có thường cũng là phân biệt vậy.

Nhìn sau không xứ sở là hiện tại hôm nay chẳng thấy tội vì ở hội sinh tử sẽ bị tội, không có ai thoát khỏi tội. Nên nói rằng, nhìn sau không có xứ sở chưa được Đạo tích thì không chết giữa chừng, nghĩa là phải được mười lăm ý, thì chẳng chết nửa chừng. Cần phải được mười lăm ý mới vào Đạo, cũng chuyển lên đến A-la-hán vậy. Được đạo nửa chừng cũng chẳng được nửa chừng, mạng tận là hơi thở, ý, thân gồm ba việc. Đó là, ý thiện ác cần phải được Đạo tích (*dấu đạo*), nhưng cũng lại nửa chừng bị hủy hoại. Hơi thở chết lại sinh, ý thiện khởi lại diệt. Thân cũng chẳng bị chết nửa chừng.

Những gì là tịnh? Gọi những sự tham dục là chẳng tịnh, trừ khử tham dục thì đó là tịnh.

Những gì là tướng của năm ấm? Ví như lửa là ấm thì củi là tướng vậy. Từ hơi thở đến tịnh đó đều là quán, nghĩa là quán thân trong tùy, chi, quán, hoàn, tịnh vốn là không có. Ý bên trong đếm hơi thở, ý bên ngoài cắt đứt nhân duyên ác. Đó là hai ý vậy.

Hỏi:

- Vì sao chẳng quan sát thân thể trong ngoài trước mà ngược lại quán sở tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh trước?

Đáp:

- Do ý bất tịnh nên chẳng thấy thân, ý tịnh rồi liền thấy hết trong ngoài thân. Đạo có mười chín hạnh; do người có mười chín bệnh nên cũng có mười chín thứ thuốc: Quán thân nghĩ chất dơ, đó là thuốc ngừa tham dâm; nghĩ bốn Đăng tâm đó là thuốc dừng sân nhuế. Tự kể vốn do nhân duyên gì mà có, đó là thuốc dừng ngu si.

An ban Thủ ý, đó là thuốc trị nghĩ nhiều. Tự quan sát thân thể trong ngoài: Gì là thân, gì là thể? Xương thịt là thân! Sáu tình hợp làm thể! Những gì là sáu tình? Đó là mắt hợp với sắc, tai nhận lấy tiếng, mũi tìm về hương, miệng muốn nếm vị, thân ưa mịn láng, ý là hạt giống, là si... là vật có sinh.

Thân thể trong ngoài, sở dĩ xuất hiện lại là ở đâu? Đó là con người tham cầu có lớn nhỏ, có trước sau. Nghĩa là cái muốn được phải phân biệt quán. Quán mà thấy là niệm. Niệm mà nhân quán thấy thì tức là biết. Thân thể chỉ nghĩa là ngôi thì niệm khởi, mà niệm khởi thì ý chẳng rời. Chỗ mà đặt ý bám vào là thức. Đó là thân quán dừng vậy.

Lúc hơi thở ra, hơi thở vào mà niệm diệt thì niệm diệt cái gì? Đó là khi niệm hơi ra vào hết, ý, hơi thở diệt là khi niệm hơi thở ra, hơi thở vào diệt. Ví như vẽ vào hư không thì không có; ý sinh từ, ý đạo đều vậy cả. Khi niệm hơi thở ra, hơi thở vào diệt thì cũng chẳng nói hơi thở và ý đã đến lúc diệt. Khi niệm hơi thở ra, hơi thở vào diệt thì vật từ nhân duyên sinh ra mà chặt đứt gốc là lúc diệt vậy. Thống dương trong ngoài quan sát thấy tức là thấy chỗ khởi lên của thống dương. Đó là quan sát thấy vậy. Thống dương trong ngoài là: vật đẹp bên ngoài là ngoại dương, vật xấu bên ngoài là ngoại thống. Ý vừa lòng bên trong là nội dương, ý chẳng vừa lòng bên trong là nội thống. Ở bên trong là nội pháp, ở nhân duyên bên ngoài là ngoại pháp. Cũng gọi mắt là nội và sắc là ngoại, tai là nội và tiếng là ngoại, mũi là nội và hương là ngoại, miệng là nội và vị là ngoại, tâm là nội và niệm là ngoại. Thấy sắc đẹp mịn màng ý muốn được thì đó là dương, thấy thô xấu ý chẳng thích dụng thì đó là thống, đều rơi vào tội lỗi vậy. Thống dương quán chỉ là, như người đau tay, ý chẳng nghĩ đau mà ngược lại nghĩ cái đau của tất cả thân khác. Như vậy đó ý chẳng ở tại chỗ đau, là ngưng đau. Cũng có thể nghĩ, cũng chẳng thể nghĩ, nghĩ đau không chỗ bám. Tự yêu thân thì phải quan sát thân người khác. Ý yêu thân người khác thì phải tự quan sát thân cũng là chỉ vậy.

Thống dương trong ngoài sở dĩ xuất hiện lại là tại sao? Đó là người thấy sắc yêu thích có mừng có dầy. Ý họ chẳng xem ngang bằng nhau, nhiều với ít có khác, lại phân biệt, quán đạo thì nên quan sát bên trong; có sự si mê thì phải quan sát bên ngoài để tự chứng nghiệm vậy. Thân, tâm, thống dương đều tự khác. Bị lạnh, nóng, dao, gậy làm cho đau thì đó là thân thống. Được cơm ăn ngon, xe chõ, áo đẹp... những tiện nghi của thân thì đó là thân dương. Tâm Thống là thân tự lo, lại lo cho người khác và muôn việc thì đó là tâm thống. Lòng được sự tốt đẹp và những điều hoan hỷ thì đó là tâm dương vậy. Quán tướng của ý thì có hai nhân duyên: ở bên trong cắt đứt ác niệm đạo.

Một là năm dục, sáu suy phải chế ngự và cắt đứt. Quán là tự quan sát thân mà thân chẳng biết to nhỏ. Do biết được mới hiểu, đó là Ý Ý quan sát nhau. Ý Ý quan sát nhau thì hơi thở cũng là ý, đếm cũng là ý. Khi đếm quan sát hơi thở là Ý Ý quan sát nhau vậy. Ý quán chỉ là, muốn chế ngự dâm chẳng làm, muốn chế ngự sân nhuế chẳng nổi giận, muốn chế ngự ngu si chẳng tạo tác, muốn chế ngự tham chẳng cho cầu các việc ác, tất cả chẳng hướng đến. Đó là quán Chỉ. Cũng nghĩa là do biết kinh Ba mươi bảy phẩm thường niệm chẳng rời là Chỉ vậy. Hơi thở ra, hơi thở vào hết định liền quán là, hết nghĩa là tội hết, định nghĩa là hơi thở dừng. Định, quán nghĩa là quán chỉ, hoàn, tịnh vậy. Tận chỉ nghĩa là ta có thể nói là hiểu, là khắp cùng, là đối. Đó là tận chỉ vậy. Hơi thở khởi lên như bố thí, làm phước, tất cả thiện pháp đã khởi rồi liền diệt. Lại ý nghĩ tà, hướng đến thói quen gây tội cũng vô số; ý đời xưa, đời nay chẳng tương tùy như vậy và người khác cũng vậy, đã hay biết thì phải cắt đứt. Đã cắt đứt thì tức là ý trong ngoài, ý quán dừng.

Pháp trong ngoài, pháp trong gọi thân, pháp ngoài là người khác, có pháp trì giới, có pháp chẳng trì giới. Đó là pháp trong và ngoài vậy. Pháp trong nghĩa là tu hành thông suốt chẳng rời kinh Ba mươi bảy phẩm, tất cả việc còn lại, ý chẳng vướng vào trong đó.

Làm đạo đạt được đạo. Đó là nội pháp. Ngoại pháp là rơi vào sinh tử, là tạo sinh tử nên bị sinh tử chẳng thoát khỏi. Tất cả phải cắt đứt, mà cắt đứt rồi là quán nội ngoại pháp. Pháp Quán dừng là, mọi người đều cho tự thân là thân, nhưng suy tính kỹ càng thì chẳng phải là thân của ta. Vì sao? Vì thân có mắt, có hình sắc mà mắt cũng chẳng phải là thân, sắc cũng chẳng phải là thân. Vì sao? Vì người đã chết dù có mắt cũng không thấy gì, cũng có hình sắc nhưng không phản ứng gì.

Thân như vậy chỉ có thức, mà thức cũng chẳng phải là thân. Vì sao? Vì thức không có hình sắc, cũng không có sự ngưng nhẹ, như vậy kể về mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Được vậy là pháp quán ngưng, cũng gọi chẳng nghĩ ác là ngưng, còn niệm ác là chẳng ngưng. Vì sao? Vì ý tạo tác vậy.

PHẬT THUYẾT ĐẠI AN BAN THỦ Ý KINH

QUYỂN HẠ

Hơi thở ra, hơi thở vào tự hiểu, hơi thở ra, hơi thở vào tự biết. Đang lúc ấy là hiểu, về sau là biết. Hiểu là hiểu hơi thở dài, ngắn. Biết là biết hơi thở sinh, diệt, thô, tế, chậm, mau. Hơi thở ra, hơi thở vào hiểu hết tâm là hay biết hơi thở ra vào, lúc muốn báo là hết, cũng cho là thân, muôn vật sinh lại diệt. Tâm là tâm Ý. Thấy quán rỗng khôn là, hành đạo được quán, chẳng còn thấy thân thì liền rơi vào trống rỗng. Không sở hữu là ý không có chỗ bám. Ý có chỗ bám là do có chỗ. Cắt đứt sáu nhập liền được hiển minh. Hiền gọi là thân, minh gọi là đạo vậy. Biết chỗ nào ra, chỗ nào diệt là ví như nghĩ về đá, đá ra, gỗ vào thì đá liền diệt. Năm âm cũng vậy, sắc ra thống dương vào, thống dương ra tư tưởng vào, tư tưởng ra sinh tử vào, sinh tử ra thức vào. Đã phân biệt thể mới theo kinh Ba mươi bảy phẩm.

Hỏi:

- Thế nào là tư duy đạo vô vi?

Đáp:

- Tư là tính toán, duy là nghe. Vô là chẳng nghĩ đến muôn vật, vi là đúng như lời nói làm, đạo là được, nên nói rằng, tư duy đạo vô vi vậy. Tư là nghĩ, Duy là phân biệt trắng đen. Đen là sinh tử, trắng là đạo. Đạo không sở hữu mà đã phân biệt không sở hữu thì không làm gì, nên nói rằng tư duy đạo vô vi. Nếu chấp có việc làm, chỗ bám víu là chẳng phải tư duy. Tư cũng là vật, duy là hiểu ý; hiểu ý thì liền biết mười hai việc nhân duyên. Cũng gọi tư là nghĩ, duy là suy xét vậy. Cắt đứt sinh tử được thần túc, nghĩa là ý có nghĩ là sinh, không nghĩ là chết. Được thần túc thì có thể bay đi nên nói rằng sinh tử phải cắt đứt.

Được thần túc có năm ý:

1. Hỷ.
2. Tín.
3. Tinh tấn.
4. Định.
5. Thông.

Niệm bốn Thần túc chẳng tận lực thì được năm thông, niệm tận lực thì tự tại hưởng đến sáu thông. Làm đạo nhân bốn Thần túc được năm thông, nếu tận ý có thể được sáu thông. Tận ý nghĩa là ý muôn vật chẳng muốn vậy.

1. Tín.
2. Tinh tấn.
3. Ý.
4. Định.
5. Thông tuệ.

Năm việc này là bốn Thần túc. Niệm là lực gồm có sáu việc. Theo Tín là thuộc về niệm bốn Thần túc. Theo Hỷ, theo Niệm, theo Tinh tấn, theo Định, theo Tuệ thì thuộc năm căn vậy. Theo Hỷ định gọi là Tín đạo, theo Lực định gọi là Tinh tấn, theo Ý định gọi là Ý niệm định, theo Thí định gọi là hành đạo vậy. Vì gieo trồng nên có gốc, việc hữu vi đều là ác, sinh ra tư tưởng chẳng thể thắng được, nghĩa là đắc thiên thì nhận chính là lực, cũng nghĩa là ác chẳng thể thắng thiện. Vì diệt lại khởi lên nên là lực. Lực định thì ác ý muốn đến chẳng thể hoại được thiện ý nên là lực định vậy.

Đạo nhân hành đạo chưa đắc Quán thì phải nỗ lực đắc quán. Đối với đối tượng quán, mà ý chẳng chuyển là đắc quán. Dùng ác là một pháp, ngồi thiền quán hai pháp, có khi quán thân, có khi quán ý, có khi quán hơi thở, có khi quán có, có khi quán không... tại nơi nhân duyên nên phân biệt quán. Dùng một pháp ác, quán hai pháp ác cho đến hết - Chỉ quán là quán đạo. Ác chưa hết chẳng thấy đạo, ác đã hết rồi mới được nhìn thấy đạo vậy. Dùng một pháp ác là biết có thể ngăn chặn tất cả ác; chẳng chấp trước ý là Chi, cũng là được sở tức, tương tùy, chỉ. Được sở tức, tương tùy, chỉ tức là dùng một pháp ác, mà ác đã dùng thì liền được quán, là quán hai pháp, là được bốn Để, là hành tịnh. Sẽ lại tác tịnh là biết khổ thì bỏ tập, biết tận thì hành đạo, như khi mặt trời mọc thì tịnh chuyển ra mười hai cửa.

Kinh nói rằng, theo đạo thì được giải thoát, trừ tối thấy sáng như khi mặt trời mọc. Ví như mặt trời mọc thấy được nhiều nơi vì loại bỏ bóng tối, mà tối là khổ. Vì sao biết nó là khổ? Vì có nhiều sự ngăn ngại nên biết là khổ.

Thế nào là bỏ tập? Đó là chẳng tạo tác sự việc.

Thế nào là chứng tận? Đó là không sở hữu. Đạo là nhận thức rõ Khổ, cắt đứt Tập, chứng Tận và niệm Đạo. Bắt từ khổ sinh, chẳng bị khổ thì cũng không có thức. Đó là Khổ. Chứng tận là biết người đều phải già, bệnh, chết. Chứng là biết vạn vật đều phải diệt. Đó là chứng tận. Ví như mặt trời mọc làm bốn việc:

1. Trừ tối như là trí tuệ có thể hoại ngu si.
2. Chiếu sáng, nghĩa là ngu si trừ rồi chỉ còn trí tuệ.
3. Thấy sắc muôn vật là thấy những chất dơ bản của thân.
4. Thành thực muôn vật.

Giả sử không có mặt trời, mặt trăng thì vạn vật chẳng thành thực. Con người không có trí tuệ thì ý ngu si chẳng bị nấu chín. Phân làm đầu tiên trên đều làm là, việc làm khi đã làm thì chẳng phân biệt nói. Nghĩa là hành năm điều đúng. Niệm, thân, tâm đều làm. Theo Để niệm pháp, ý bám vào trong pháp, theo Để niệm pháp mà ý bám vào sở niệm phát sinh thì cầu sinh tử, được sinh tử, cầu Đạo được đạo, trong ngoài tùy theo sự sinh khởi của ý. Đó là Niệm pháp.

Ý bám vào pháp là, từ bốn Để tự biết ý sinh ra là sẽ được, chẳng sinh là chẳng được, liền khước từ ý, sợ chẳng dám phạm. Sở hành, sở niệm luôn ở tại đạo. Đó là ý bám trong pháp vậy. Đó gọi là pháp chính từ để khởi lên, vốn bám vào ý. Pháp chính thì gọi là Đạo pháp. Từ để tức là bốn Để. Vốn khởi bám vào ý, nghĩa là vạn sự hướng về sinh tử đều vốn từ ý khởi lên, liền bám vào ý, liền có ý do năm ấm khởi lên cần phải cắt đứt mà gốc cắt đứt thì năm ấm liền cắt đứt. Có lúc tự cắt đứt chẳng niệm, ý tự khởi lên là tội lỗi.

Lại nữa, chẳng định tại đạo là tội chưa hết vậy. Ý bám vào pháp nghĩa là sự thật ý niệm muôn vật là nằm ngoài pháp, trong ý chẳng niệm muôn vật là đưa đến đạo pháp. Năm ấm là pháp sinh tử, kinh Ba mươi bảy phẩm là đạo pháp. Ý bám vào trong pháp nghĩa là chế ngự năm ấm chẳng phạm, cũng nghĩa là thường niệm đạo chẳng rời. Đó là ý bám vào trong pháp. Cái gốc chính là, cái ở bên ngoài là vật, gốc là phước ở bên trong, gồm lại là kinh Ba mươi bảy phẩm. Hành đạo chẳng phải là đầu mỗi nhất thời nên nói đến cái gốc, nghĩa là tu hành kinh pháp Ba mươi bảy phẩm. Như theo thứ lớp mà hành, ý chẳng vào tà là chính nên gọi là cái gốc chính. Cái gốc chính đều tự hành khác, dùng vô vi đối với gốc, dùng chẳng cầu là đối với chính, dùng vô vi là đối với vô vi, dùng chẳng thường là đối với đạo, dùng không có là đối với cái không có, cũng không có gốc, cũng không có chính, là không sở hữu. Định Giác thọ thân! Như vậy pháp nói đạo nghĩa là pháp định. Nói đạo nghĩa là nói từ nhân duyên được đạo. Thấy âm thọ tức là thọ năm ấm. Có vào tức là vào trong năm ấm. Nhân có sinh tử âm tức là thọ chính. Chính là đạo tự chính, chỉ phải tự chính tâm vậy. Người hành An ban Thủ ý được sở tức, được tương tùy, được chỉ thì liền hoan hỷ. Bốn thứ này ví như dùi lửa thấy khói thì chẳng thể làm chín được vật. Được những vui gì cho là chưa được xuất yếu?

An ban Thủ ý có mười tám phiền não khiến cho người chẳng theo đạo:

1. Ái dục.
2. Sân nhuế.
3. Si.
4. Hý lạc.
5. Mạn.
6. Nghi.
7. Chẳng thọ hành tướng.
8. Thọ tướng người khác.
9. Chẳng niệm.
10. Niệm khác.
11. Niệm chẳng đầy.
12. Quá tinh tấn.
13. Tinh tấn bất cập.
14. Kinh sợ.
15. Ý cưỡng chế.
16. Lo.
17. Vội vàng.
18. Ý hành ái chẳng điều độ.

Đó là mười tám phiền não. Chẳng hộ mười tám nhân duyên này thì chẳng được đạo, nếu hộ thì liền được đạo vậy.

Chẳng thọ hành tướng nghĩa là chẳng quan sát ba mươi sáu vật, chẳng niệm ba mươi bảy phẩm. Đó là chẳng thọ hành tướng. Thọ tướng người khác nghĩa là chưa được mười hơi thở liền hành tương tùy. Đó là thọ tướng người khác. Niệm khác là khi hơi thở vào nghĩ hơi thở ra, khi hơi thở ra nghĩ hơi thở vào. Đó là niệm khác. Niệm chẳng đầy nghĩa là chưa được nhất thiền liền nghĩ nhị thiền. Đó là niệm chẳng đầy. Ý cưỡng chế nghĩa là ngồi mà loạn ý chẳng được hơi thở thì phải kinh hành, đọc kinh để loạn chẳng khởi. Đó là cưỡng chế ý. Tinh tấn là vì trí tuệ mà theo sáu việc này, đó là sở tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh. Đó là sáu vậy.

Cái gì là thở? Cái gì là hơi thở? Cái gì là hơi? Cái gì là lực? Cái gì là gió?

Chế tức là ý, hơi thở là mạng, thủ là hơi, là thấy nghe gió, là lực có thể nói năng co duỗi theo đạo, là có thể cử động sân nhuế nặng. Cốt yếu là từ thủ ý được đạo.

Do duyên gì được thủ ý? Do từ đếm, chuyển được hơi thở; hơi thở chuyển thì tương tùy. Chỉ, quán, hoàn, tịnh cũng lại như vậy.

Hành đạo muốn được chỉ ý phải biết ba việc:

1. Trước quán niệm thân vốn từ đâu lại? Nếu nó chỉ từ năm hành âm mà có thì chặt đứt năm âm, nó chẳng sinh lại. Ví như ký thác giấy lát vậy. Ý chẳng hiểu thì niệm chín đường đề tự chứng.
2. Tự phải nhìn thấy bên trong tâm theo hơi thở ra vào trong tâm.
3. Khi hơi thở ra, hơi thở vào mà niệm diệt thì hơi thở ra nhỏ và nhẹ. Khi niệm diệt thì những gì là biết không sở hữu? Ý định tức thời biết rỗng không, mà biết rỗng không thì liền biết không sở hữu. Vì sao? Vì hơi thở chẳng đáp lại là liền chết. Biết thân chỉ là sở tác của khí hơi, mà khí hơi diệt là rỗng không. Biết rỗng không là đưa vào đạo.

Vậy nên hành đạo có ba việc:

1. Quán thân.
2. Niệm nhất tâm.
3. Niệm hơi thở ra vào.

Lại có ba việc nữa:

1. Ngưng thống dương của thân.
2. Ngưng âm thanh của miệng.
3. Ngưng niệm hành của ý.

Sáu việc này mau chóng được hơi thở vậy.

Kinh cốt yếu nói nhất niệm nghĩa là nhất tâm, căn niệm nghĩa là xét thân, đa niệm nghĩa là nhất tâm, chẳng lìa niệm nghĩa là chẳng lìa niệm. Thân làm bốn việc này liền mau chóng được hơi thở vậy.

Ngồi thiền đếm hơi thở tức thời định ý, đó là phước hiện nay; yên ổn chẳng loạn, đó là phước vị lai; càng lâu càng thêm an định, đó là phước quá khứ.

Ngồi thiền đếm hơi thở mà chẳng được định ý, đó là tội hiện nay; chẳng yên ổn, ý loạn đang khởi lên, đó là tội đương lai.

Ngồi thiền càng lâu mà chẳng an định thì đó là tội quá khứ vậy. Đó cũng có lỗi của thân, có lỗi của ý.

Thân đếm hơi thở đúng mà chẳng được thì đó là lỗi của ý.

Thân đếm hơi thở quanh co chẳng được thì đó là lỗi của thân. Tọa thiền tự giác được định ý, ý vui mừng là ý loạn, chẳng vui mừng là ý đạo.

Ngồi thiền niệm hơi thở đã dừng liền quán, quán dừng lại hành hơi thở. Người hành đạo phải lấy đó làm thường pháp vậy.

Đức Phật nói có năm niệm tin:

1. Tin có Phật có kinh.
2. Bỏ nhà, xuống tóc cầu đạo.
3. Ngồi hành đạo.
4. Được hơi thở.
5. Định ý.

Cái niệm chẳng niệm là không, khó chẳng niệm là không thì vì sao niệm hơi thở?

Đáp rằng:

- Vì trong hơi thở không có năm sắc: Tham, dâm, sân nhuế, ngu si, ái dục. Đó cũng là rỗng không. Có thể thủ ý trong thân nghĩa là quan sát ý tại thân. Đó là ý trong thân. Người chẳng thể chế ngự ý nên phải đếm hơi thở. Do thông tuệ có thể chế ngự ý thì chẳng đếm hơi thở.

Hỏi:

- Thế nào là tự biết? Thế nào là tự chứng?

Đáp:

- Có thể phân biệt năm ám thì đó là tự biết. Chẳng nghi ngờ đạo, đó là tự chứng.

Hỏi rằng:

- Những gì là vô vi?

Đáp:

- Vô vi có hai nhóm, có ngoại vô vi, có nội vô vi. Mắt chẳng xem sắc, tai chẳng nghe tiếng, mũi chẳng thọ hương, miệng chẳng nếm vị, thân chẳng tham trơn mịn, ý chẳng vọng niệm, đó là ngoại vô vi. Đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh đó là nội vô vi.

Hỏi:

- Hiện có sở niệm thì vì sao là vô vi?

Đáp:

- Thân, miệng là giới, ý hướng về đạo. Tuy có sở niệm nhưng vốn hướng đến vô vi.

Hỏi:

- Những gì là vô? Những gì là vi?

Đáp:

- Vô, nghĩa là chẳng niệm muôn vật, vi là theo sự hành chỉ của kinh mà xưng danh nên gọi là Vô vi vậy.

Hỏi:

- Giả sử quả báo đời trước đến phải lấy gì trừ?

Đáp:

- Hành đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh hay niệm kinh Ba mươi bảy phẩm thì có thể trừ nạn.

Hỏi:

- Quả báo đời trước chẳng thể trừ bằng cách đếm hơi thở, hành kinh Ba mươi bảy phẩm thì lấy gì có thể trừ?

Đáp:

- Dùng niệm đạo nên tiêu ác. Giả sử đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh chẳng thể diệt ác thì người thế gian chẳng đắc đạo. Do tiêu ác nên đắc đạo. Đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh, hành kinh Ba mươi bảy phẩm còn được thành Phật huống gì là quả báo của tội. Cho dù tại mười phương chứa tội như núi mà tinh tấn hành đạo thì chẳng bị tội nữa.

Hỏi rằng:

- Kinh nói rằng, làm thế thì vì sao chẳng bị tội?

Đáp:

- Do làm như thế nên Sổ tức rơi vào mười hai phẩm. Những gì là mười hai phẩm? Khi sổ tức thì đạt đến bốn Ý chỉ. Khi hơi thở chẳng loạn thì đạt đến bốn Ý đoạn, có khi được mười hơi thở thì đạt được bốn Thần tức. Đó là đạt đến mười hai phẩm.

Hỏi:

- Những gì là niệm kinh Ba mươi bảy phẩm?

Đáp:

- Sổ tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh, sáu việc này chính là niệm kinh Ba mươi bảy phẩm vậy. Hành sổ tức cũng là hành kinh Ba mươi bảy phẩm.

Hỏi:

- Vì sao hành kinh Ba mươi bảy phẩm?

Đáp:

- Đếm hơi thở thì đạt đến bốn Ý chỉ. Vì sao đạt đến bốn Ý chỉ, cũng đạt đến bốn Ý đoạn? Vì chẳng đợi niệm, vì sao bốn Ý đoạn cũng đạt đến bốn Thần tức? Vì từ Tín nên là thần tức.

Đếm hơi thở là để đạt đến tín căn, do tín Phật, ý vui mừng nên sinh ra tín căn. Nó cũng lọt vào năng căn, vì ngôi tu hành căn nên lọt vào năng căn. Nó cũng đưa đến thức căn, do biết Đế nên là thức căn. Nó cũng đưa đến định căn, do ý an nên là định căn. Nó cũng đưa đến căn thông tuệ, do lìa khỏi ý si, giải được kết sử nên là căn thông tuệ vậy. Sổ tức cũng đưa đến tín lực, do chẳng si nên là tín lực. Nó cũng đưa đến tiến lực, do tinh tiến nên là tiến lực. Nó cũng đưa đến niệm lực, do những ý khác chẳng thể làm rối loạn nên là niệm lực. Nó cũng đưa đến định lực, do nhất tâm nên là định lực. Nó cũng đưa đến trí tuệ lực, do trước phân biệt bốn Ý chỉ, đoạn, thần thể nên là lực thông tuệ.

Đếm hơi thở cũng đưa đến giác ý, do biết khổ nên là giác ý. Nó cũng đưa đến pháp thức giác ý, do biết nhân duyên đạo nên là pháp thức giác ý. Nó cũng đưa đến lực giác ý, do bỏ ác nên là lực giác ý. Nó cũng đưa đến ái giác ý, do ham thích đạo nên là ái giác ý. Nó cũng đưa đến tức giác ý, do ý chỉ nên là tức giác ý. Nó cũng đưa đến định giác ý, do chẳng niệm nên là định giác ý. Nó cũng đưa đến thủ giác ý, do hành chẳng rời khỏi nên là thủ giác ý.

Sổ tức cũng đưa đến tám hạnh, do ý chính nên vào tám hạnh: Định ý, từ tâm, niệm tịnh pháp thì đó là thân ngay thẳng. Lời chí thành, lời mê mông, lời ngay thẳng, lời chẳng nói lại thì đó là lời ngay thẳng. Tuệ tại ý, tin tại ý, nhẫn nhục tại ý thì đó là tâm ngay thẳng. Đó gọi là dùng hơi thở của tiếng, thân, tâm. Đó là mười việc lành đưa đến hạnh lành.

Sổ tức cũng đưa đến thấy đúng đắn, do quan sát Đế nên thấy đúng đắn. Nó cũng đưa đến hành đúng đắn, do hướng về đạo nên hành đúng đắn. Nó cũng đưa đến sửa trị đúng đắn do hành kinh Ba mươi bảy phẩm nên sửa trị đúng đắn. Nó cũng đưa đến ý ngay thẳng do niệm đề nên ý ngay thẳng đúng đắn. Nó cũng đưa đến định đúng đắn, do ý trắng trong phá hoại ma binh nên định đúng đắn. Đó là tám hạnh.

Những gì là ma binh? Sắc, thanh, hương, vị, xúc, đó là ma binh. Chẳng nhận những thứ đó là hoại ma binh. Ba mươi bảy phẩm nên thu lấy. Tự quán thân, quán thân người khác đừng dâm, chẳng loạn ý, đừng những ý khác. Tự quán thống dương, quán thống dương người khác đừng sân nhuế. Tự quán ý, quán ý người khác đừng ngu si. Tự quán pháp, quán pháp người khác được đạo. Đó gọi là bốn Ý chỉ.

Tránh thân là tránh sắc, tránh thống dương là tránh năm dục, tránh ý là tránh niệm, tránh pháp, chẳng rơi vào việc mưu sinh. Đó gọi là bốn ý niệm đoạn vậy.

Nhận thức khổ vốn là khổ; khổ là do có thân, từ khổ làm nhân duyên sinh khởi muôn vật. Khổ tập vốn là khổ, từ khổ làm nhân duyên sinh ra. Tận là muôn vật đều phải bại hoại, là tăng thêm khổ tập, lại đưa đến tám đường. Đạo nhân phải niệm tám đường này, đó gọi là bốn, vì thu bốn khổ, nên được bốn Thần túc.

Tin Phật, ý vui mừng thì đó gọi là tín căn, vì tự thủ hành pháp. Từ Đế thọ thân ý, đó gọi là năm căn, vì tinh tấn. Từ Đế niệm theo Đế thì đó gọi là Thức căn, vì thủ ý. Nhất ý theo Đế, nhất ý theo Đế dừng lại thì đó gọi là Định căn, vì chính ý. Từ Đế quan sát Đế thì đó gọi là tuệ căn, vì đạo ý. Đó gọi là năm căn.

Từ Đế tin chẳng nghi nữa thì gọi là Tín lực, bỏ tham hành đạo. Từ Đế tự tinh tấn, ác ý chẳng thể bại hoại tinh tấn thì đó gọi là Tấn lực, ác ý muốn khởi tức thời diệt. Từ Đế ý này không có khả năng hoại ý thì đó gọi là Niệm lực. Từ Đế quan sát trong ngoài để định thì ác ý chẳng thể hoại thiện ý, đó gọi là Định lực.

Từ Đế niệm bốn Thiên được tuệ, ác ý chẳng thể hoại ý tuệ thì gọi là lực tuệ, niệm ra vào hết lại sinh ra. Đó gọi là năm Lực vậy.

Từ Đế niệm Đế thì gọi là Giác ý, được ý đạo. Từ Đế quan sát Đế gọi là pháp thức giác ý, được sinh từ ý. Từ Đế giữ thân ý thì gọi là Lực giác ý, giữ đạo chẳng mất là lực. Từ Đế đủ hỷ Đế thì gọi là Ái giác ý, tham hạnh đạo pháp, làm đạo pháp. Từ Đế mà ý được ngưng nghỉ thì đó gọi là Túc giác ý, đã nghỉ rồi là yên ổn. Từ Đế mà ý nhất niệm thì gọi là Định giác ý, tự biết ý đã an định. Từ Đế ý tự tại sở hành theo quán thì gọi là Thủ giác ý. Từ bốn Đế quan sát ý thì đó là bảy Giác ý. Từ Đế thủ Đế thì gọi là trực tín đạo. Từ Đế theo thẳng hành Đế thì đó gọi là trực tòng hành niệm đạo. Từ Đế giữ thân ý thì gọi là trực trị pháp. Chẳng muốn rơi vào bốn ác. Bốn ác nghĩa là bốn điên đảo. Từ Đế niệm Đế thì gọi là trực ý, chẳng loạn ý. Từ Đế mà ý nhất tâm thì gọi là trực định, là nhất tâm làm đầu, là ba hạnh pháp ý đều hành bằng âm thanh, thân, tâm giống như tám hạnh của đệ tử Đức Phật. Đó gọi là bốn Thiên, là bốn Ý đoạn vậy. Tám hạnh là:

1. Trực niệm thuộc về tâm, thường niệm đạo.
2. Trực ngữ thuộc về miệng, đoạn bốn ý.
3. Trực quán thuộc về thân, quan sát trong ngoài thân.
4. Trực kiến, tin đạo.
5. Trực hành, chẳng theo bốn ác là bốn điên đảo.
6. Trực trị, đoạn trừ ý.
7. Trực ý, chẳng rơi vào tham dục.
8. Trực định, chính tâm.

Đó là tám hạnh mà Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán chẳng hành vậy.

Hạnh thứ nhất là trực niệm. Thế nào là trực niệm? Nghĩa là chẳng niệm muôn vật, ý chẳng rơi vào trong đó. Đó là trực niệm. Niệm vạn vật mà ý rơi vào trong đó là chẳng trực niệm vậy. Bốn Ý chỉ:

1. Ý dừng, thân niệm hơi thở.
2. Ý dừng, niệm thống dương.
3. Ý dừng, niệm hơi thở vào ra.
4. Ý dừng, niệm pháp nhân duyên.

Đó là bốn Ý chỉ.

Đạo nhân phải niệm bốn Ý chỉ này.

1. Ta đòi trước ái thân nên chẳng được giải thoát.
2. Nay có oán gia kịch liệt. Vì sao? Vì có sở dục nên ái sinh, nên phải đoạn dứt mà đoạn rồi là bên ngoài thân quán chỉ vậy.

Bốn Ý chỉ:

1. Ý chỉ là ý chẳng tại thân là chỉ.
2. Ý chẳng tại thống dương là chỉ.
3. Ý chẳng phải tại ý là chỉ.
4. Ý chẳng tại pháp là chỉ.

Ý theo sắc thì thức liền sinh ra thì đó là chẳng chỉ.

Hỏi:

- Người vì sao chẳng đạt được bốn Ý chỉ?

Đáp:

- Do người chẳng niệm khổ, không, phi thân, bất tịnh nên chẳng đạt bốn Ý chỉ. Nếu ý người thường niệm khổ, không, phi thân, bất tịnh mà thường niệm bốn việc này chẳng rời khỏi, thì liền mau chóng đạt được bốn Ý chỉ vậy.

Hỏi:

- Thế nào là ý chỉ của thân?

Đáp:

- Niệm bệnh, già, chết là ý chỉ của thân.

Thế nào là ý chỉ của thống dương? Điều chẳng vừa ý chính là ý chỉ của thống dương.

Thế nào là ý chỉ của ý? Niệm rồi lại niệm là ý chỉ của ý.

Thế nào là ý chỉ của pháp? Đó là thời gian qua làm, báo trở lại là pháp, cũng gọi làm điều đó, được điều đó, đó là pháp ý chỉ.

Bốn Ý chỉ có bốn nhóm:

1. Niệm phi thường ý chỉ.
2. Niệm thân khổ ý chỉ.
3. Niệm “hữu” “không” ý chỉ.
4. Niệm bất tịnh lạc ý chỉ.

Tất cả việc thiên hạ đều đưa đến sự thống dương của thân tùy theo pháp đều chẳng qua khỏi bốn việc này.

Bốn Ý chỉ:

1. Chỉ có niệm hơi thở, chẳng tà niệm.
2. Chỉ niệm thiện chẳng niệm ác.
3. Tự niệm thân chẳng phải ngã, vạn vật đều chẳng phải ngã sở nên chẳng hướng theo nữa.
4. Mắt chẳng nhìn mà ý ở tại trong pháp.

Đó gọi là bốn Ý chỉ vậy.

Đạo nhân phải hành bốn Ý chỉ:

1. Nhân sắc phải xem là đồ bất tịnh trong thân.
2. Khi ý vui mừng niệm lạc thì phải niệm cái khổ cảm thọ.
3. Ý ta sân thì ý người khác cũng sân, ý ta chuyển thì ý người khác cũng chuyển nên liền chẳng chuyển ý.
4. Ý ta ganh ghét thì ý người khác cũng ganh ghét, ta nghĩ người khác xấu thì người khác cũng nghĩ ta xấu nên liền chẳng nghĩ.

Đó là pháp vậy.

Thân ý chỉ là tự quan sát thân, quan sát thân người khác. Cái gì là thân? Muốn nói thông dương là thân thì thông không có số (tính). Muốn nói ý là thân thì lại chẳng phải thân có ý quá khứ, ý vị lai. Muốn nói pháp là thân thì lại chẳng phải thân có pháp quá khứ, pháp vị lai. Muốn nói hành là thân mà hành không có hình thì biết là chẳng phải thân. Đạt được sự suy nghĩ này là bốn Ý chỉ vậy. Ý chẳng theo sắc thì niệm thức cũng chẳng sinh. Tai, mũi, miệng, thân cũng vậy. Ý chẳng tại thân là chỉ. Ý chẳng tại thông dương, ý chẳng tại niệm, ý chẳng tại pháp là chỉ vậy.

Hỏi:

- Ai là người chủ biết thông dương của thân ý?

Đáp:

- Có thân, ý của thân biết, thông dương ý của thông dương biết, ý của ý biết như có đối, ý của đối biết, có khát ý của khát biết, có lạnh, ý của lạnh biết, có nóng, ý của nóng biết... do sự phân biệt này mà biết. Ý thân khởi ý thân, ý thông dương khởi ý thông dương, Ý của ý khởi Ý của ý, ý của pháp khởi ý của pháp. Bốn Ý chỉ nghĩa là chế ngự ý ác khiến cho nó chẳng khởi lên. Đó là Chỉ vậy. Bốn Ý chỉ cũng theo bốn Thiên, bốn Thiên cũng theo bốn Ý chỉ mà theo bốn Ý chỉ là gần đạo. Chẳng đắm trước ác thì thiện liền sinh. Bốn Thiên là bốn ý định, là dưng ý vậy.

Hành đạo có bốn nhân duyên:

1. Dưng thân.
2. Dưng thông dương.
3. Dưng ý.
4. Dưng pháp.

Dưng thân nghĩa là thấy sắc nghĩ là bất tịnh. Dưng thông dương nghĩa là chẳng tự cống cao. Dưng ý nghĩa là chẳng sân nhuế. Dưng pháp nghĩa là chẳng nghi ngờ. Đạo nhân hành bốn Ý chỉ thì khi ý khởi, niệm sinh thì tức thời biết thuốc đối trị. Đã được một ý chỉ thì liền được bốn Ý chỉ vậy.

Bốn ý định:

1. Tự quán thân mình cũng lại quán thân người khác.
2. Tự quán thông dương của mình cũng lại quán thông dương người khác.
3. Tự quán tâm của mình cũng lại quán tâm người khác.
4. Tự quán nhân duyên pháp của mình cũng lại quán nhân duyên pháp người khác. Quán tất cả việc nhân duyên thành bại trong ngoài, như thế nào thì phải nghĩ thân ta cũng phải thành bại như vậy.

Đó là bốn ý định vậy.

Người muốn dùng bốn ý thì bỏ là ngoài, nhiếp lấy là trong. Đã nhiếp ý là ngoài, bỏ ý là trong vậy. Quan sát thân người khác nghĩa là tự quan sát thân mà chẳng liả bỏ người khác tức là quan sát cái khổ của thân người khác. Quán thân người khác là chẳng phải. Thống dương, ý, pháp cũng vậy. Tự tham thân thì phải quan sát thân người khác, nghĩ đến thân người khác tức là tự quan sát thân. Như vậy là ý chỉ.

Hỏi:

- Ý thấy hành vì sao là chỉ?

Đáp:

- Ý do tự quan sát tham của thân liền khiến quan sát thân người khác. Vì ý từ tham chuyển nên phải dùng. Nếu ý tham thân người khác thì phải trở lại tự quán thân vậy.

Có lúc tự quán thân, chẳng quán thân người khác. Có lúc phải quán thân người khác, chẳng nêu tự quán thân. Có lúc có thể tự quán thân, cũng có thể quán thân người khác. Có lúc chẳng thể tự quán thân, cũng chẳng thể quán thân người khác. Tự quán thân là tính toán để quán thân người khác. Nếu ý chẳng dùng thì cần phải tự niệm thân là đấm trước rồi liền chuyển việc đấm trước qua thân người khác. Quan sát thân người thấy sắc trắng tròn no tròn, mày đen, môi đỏ. Như thấy béo tốt thì phải nghĩ đến người chết trương phình; thấy trắng tròn phải nghĩ đến xương người chết; thấy mày đen phải nghĩ đến sắc sạm đen của người chết, thấy môi đỏ phải nghĩ đến màu đỏ của máu. So tính các sở hữu của bản thân để được những ý đó, rồi liền chuyển đổi, chẳng yêu thân nữa vậy. Quán có trong ngoài: Tật đố, sân nhuế, ngu si thì phải quan sát bên trong, còn tham dâm thì phải quan sát bên ngoài. Tham thì phải nghĩ đến sự phi thường, bại hoại. Dâm thì phải nghĩ đến bất tịnh của đối tượng. Như tự quan sát dâm của thân thì phải nghĩ đến bốn Ý đoạn. Quán có hai nhóm, một là quán ngoài, hai là quán nội. Quan sát thân có ba mươi sáu vật mà tất cả có đối tượng đều thuộc về ngoài quán. Quán vô sở hữu là đạo thì đó là nội quán vậy.

Quán có ba việc:

1. Quán thân có bốn sắc là đen, xanh, đỏ, trắng.
2. Quán sinh tử.
3. Quán chín đường: Quán trắng thấy đen là bất tịnh. Phải trước nghe để học rồi sau đắc đạo. Chưa đắc đạo là vì nghe còn phân biệt là chứng được, là biết vậy.

Quán có bốn:

1. Thân quán.
2. Ý quán.
3. Hành quán.
4. Đạo quán.

Đó là bốn quán.

Ví như người giữ đồ vật, kẻ trộm đến liền bỏ vật. Nhìn thấy kẻ trộm rồi được quán, liền bỏ thân quán vật.

Quán có hai việc:

1. Quan sát những sắc sở hữu ở bên ngoài.
2. Quán cái không sở hữu bên trong.

Quán “không” rồi thì được bốn Thiên. Quán “không” không sở hữu, có ý, không ý đều không sở hữu đó là không, cũng gọi là bốn bỏ được bốn Thiên. Muốn dứt việc thế gian thì nên quán bốn Ý chỉ. Muốn trừ bốn Ý chỉ thì nên hành bốn Ý đoạn. Người trừ tham mà tham thì thực hành bốn Thà n túc bay. Chỉ có năm căn, không có năm Lực thì không thể chế ngự chỉ có năm Lực, không có năm căn thì không thể phát sinh bốn Thần túc. Còn chuyển năm Lực có thể chế ngự mười hai phẩm trên.

Bốn Ý đoạn không gây tội hiện tại chỉ trả tội cũ. Đó là bốn Ý đoạn.

Hết cũ chẳng nhận mới là bốn Ý chỉ. Cũ hết, mới dừng là bốn Ý đoạn. Cũ hết, mới đoạn là bốn Thần túc. Biết đủ chẳng cầu nữa là thủ ý. Ý là hết, sinh là mới, già là cũ. Chết là thân thể, hoại bại là hết. Bốn Ý đoạn nghĩa là thường nghĩ đến đạo. Niệm thiện sinh ra liền bị mềm ác cắt đứt là đoạn dứt Đạo. Niệm thiện dừng liền sinh niệm ác là chẳng đoạn vậy.

Bốn Ý đoạn là ý tự chẳng muốn hướng đến điều ác là đoạn. Cũng có nghĩa là chẳng niệm tội là đoạn.

Bốn Thần túc:

1. Thần túc thân.
2. Thần túc miệng.
3. Thần túc ý.
4. Thần túc đạo.

Nghĩ bay mà niệm chẳng muốn diệt là chẳng theo đạo vậy.

Bốn Y-dề-bát: Bốn là số lượng, Y-dề là dừng, Bát là thần túc. Muốn bay liền bay được, có khi tinh tấn ngồi bảy ngày liền được, hoặc có khi đến bảy tháng hay bảy năm. Được thần túc có thể ở tại thế gian lâu chẳng chết nhờ có thuốc:

1. Ý chẳng chuyển.
2. Tín.
3. Niệm.
4. Có đức.
5. Có tuệ.

Đó là thuốc thần túc.

Được bốn Thần túc chẳng ở tại thế gian lâu là do có ba nhân duyên:

1. Tự chán thân xấu xí ấy nên bỏ.
2. Không có người có thể theo thính thọ kinh đạo nên bỏ.
3. Sợ kẻ oán ác bài báng bị tội nên bỏ.

Thần túc có chín nhóm là: Cỡi xe, ngựa, đi nhanh, chạy cũng là thần túc. Cắm giới bên ngoài kiên cố cũng là thần túc. Chí thành cũng là thần túc. Nhẫn nhục cũng là thần túc. Hành thần túc thì ý sẽ bay.

Hỏi:

- Sao gọi là ý bay?

Đáp:

- Có bốn nhân duyên:

1. Tín.
2. Tinh tấn.
3. Định.
4. Chẳng chuyển ý.

Tín gì? Tín phi hành.

Tinh tấn gì? Phi hành.

Định gì? Phi hành.

Thế nào là chẳng chuyển ý? Nghĩa là chấp trước phi hành chẳng chuyển ý. Thân chẳng muốn đi mà ý muốn đi liền đi. Thân tức như vậy là ý muốn bay thì liền có thể bay.

Năm Căn ví như trồng vật bền vững mới sinh ra gốc, chẳng bền thì không có gốc rễ. Tín là nước mưa, chẳng chuyển ý là lực. Muốn vật được thấy là căn, chế ngự ý là lực. Trong Tín căn có ba âm: Một là thống dương, hai là tư tưởng, ba là thức âm. Trong Định căn có một âm là thức âm.

Năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý cho dù ở trong có một âm, trong có hai âm, trong có ba âm, trong có bốn âm thì cũng đều có âm.

Hỏi:

- Đạo hạnh này vì duyên gì mà có âm?

Đáp:

- Do Nê-hoàn không có âm nên còn lại đều có âm. Trong bảy Giác ý, ba giác trên thuộc về miệng, ba giác giữa thuộc về thân, một giác cuối thuộc về ý. Thế nào là giác? Niệm niệm là giác, niệm niệm là được. Hiểu được ý này thì liền theo đạo. Bảy Giác ý ngoài là theo sinh tử. Bảy Giác ý trong là theo đạo. Bảy Giác ý trong là kinh Ba mươi bảy phẩm. Bảy Giác ý ngoài là muôn vật. Giác là nhận biết sự việc, liền theo giác ý. Có giác ý liền theo đạo. Có giác ý rơi vào tội. Giác kinh Ba mươi bảy phẩm liền chánh ý, đó là theo đạo. Giác thiện ác, đó là rơi vào tội.

Hỏi:

- Từ Đề thân ý giữ gì?

Đáp:

- Thân giữ bảy giới, ý giữ ba giới. Đó là thân, ý giữ. Từ Đề ý được dừng nghỉ là từ bốn Đề nhân duyên của ý dừng nghỉ. Hưu là dừng, tức là suy nghĩ, đặc đạo là nhận suy nghĩ. Ham thích đạo pháp sẽ hành đạo là Ái giác ý. Giữ đạo chẳng mất là Lực giác ý. Đã được mười hơi thở, thân yên ổn là Tức giác ý. Tự biết đã an là Định giác ý. Thân giữ ý, ý chẳng tẩu tán là tri. Từ Đề tự tại, ý ở tại sở hành, nghĩa là được bốn Đề, cũng có thể niệm bốn Ý chỉ, cũng có thể niệm bốn Ý đoạn, cũng có thể niệm bốn Thần túc, cũng có thể niệm năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Hạnh. Đó là ý tự tại.

Tại sở hành theo Đề quán tức là quán cốt yếu của kinh Ba mươi bảy phẩm. Đó là Thủ ý. Giác nghĩa là Giác đế, chẳng thọ tội nữa. Tám hạnh có trong có ngoài. Thân là giết, trộm, dâm. Miệng là hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt. Ý là ganh ghét, sân nhuế, ngu si. Ba pháp đầu trên đây là mười việc ở ngoài, còn năm đạo ở tại bên trong. Từ Đề Thủ Đề: Từ là thần, thủ là hộ, nghĩa là hộ pháp chẳng phạm tội, Đề là Đạo. Biết phi thường, khổ, không,

phi thân, bất tịnh là thấy đúng. Người chẳng phải thường cho là thường, nghĩ khổ là vui, không cho là có, chẳng phải thân lấy làm thân, bất tịnh cho là tịnh đó là chẳng thấy đúng.

Thế nào thấy đúng?

- Tin nhân duyên xưa, biết từ đời trước mà có, đó là thấy đúng.

Thế nào là xử lý đúng?

- Suy nghĩ phân biệt mà có thể đến thiện ý, đó là xử lý đúng.

Thế nào là nói đúng?

- Giữ lời nói thiện, chẳng phạm pháp, nói lời thích hợp đó gọi là nói đúng.

Thế nào là làm đúng?

- Thân làm việc thích hợp không sai phạm, đó là làm đúng.

Thế nào là sống đúng?

- Theo giới hạnh mà người đấng đạo, đó là sống đúng.

Thế nào là tinh tấn đúng?

- Tu hành hạnh vô vi, ngày đêm chẳng dừng giữa chừng, chẳng bỏ phương tiện, đó gọi là tinh tấn phương tiện đúng.

Thế nào là niệm đúng?

- Luôn hướng về kinh giới, đó gọi là niệm đúng.

Thế nào là định đúng?

- Ý chẳng mê hoặc, cũng chẳng bỏ hạnh, đó là định đúng.

Tu hành như vậy khiến cho tám nghiệp hạnh của bậc Hiền giả đầy đủ.

Đã tu hành đầy đủ thì liền hành Đạo. Tám đúng, có sống, có làm, mà hành tám đúng thì mới được giải thoát thân chẳng phạm giới, đó là sống đúng. Tuệ, tín, nhẫn nhục là hạnh của thân; ý giữ gìn là sống đúng Nghĩa là không sở niệm là đúng, có sở niệm là chẳng đúng. Mười hai bộ loại kinh đều nằm trong kinh Ba mươi bảy phẩm. Ví như muôn sông, bốn dòng chảy đều về với biển cả.

Kinh Ba mươi bảy phẩm là ngoài, tư duy là trong. Tư duy phát sinh Đạo nên là trong. Đạo nhân hành đạo phân biệt kinh Ba mươi bảy phẩm, đó là lạy Phật. Kinh Ba mươi bảy phẩm cũng thuộc về thế gian, cũng thuộc về đạo. Khi tụng kinh, miệng nói, đó là thế gian, ý nghĩ về kinh, đó là hợp với đạo. Trì giới là chế ngự thân, Thiền là làm tan ý. Hạnh từ nguyện, nguyện cũng từ hạnh, sở hướng của việc hành đạo là chẳng rời ý, ý đến Phật, ý chẳng trở lại. Cũng có người theo thứ lớp tu hành được đạo. cũng có người chứng theo thứ lớp tu hành được đạo. Nghĩa là hành bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Hạnh, đó là theo thứ lớp. Sở thế gian, ghét thân mạng, liền từ một niệm mà đấng đạo thì gọi là chẳng theo thứ lớp.

Đạo nhân có thể được ba mươi bảy phẩm mà hành ý, có thể chẳng thuận theo sở tức, tương tùy, chỉ vậy. Thân, miệng có bảy việc; tâm, ý, thức mỗi thứ có mười việc nên trong ba mươi bảy phẩm, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thân tức thuộc về ngoài; năm Căn, năm Lục thuộc về nội. Bảy Giác ý, tám Hạnh được Đạo. Nê-hoàn có bốn mươi việc là kinh Ba mươi bảy phẩm cùng với ba không. Phạm bốn mươi việc đều là Nê-hoàn.

Hỏi:

- Sở tức là Nê-hoàn hay chẳng phải?

Đáp:

- Sở tức, tương tùy, đầu mũi dừng ý mà có sở trước thì chẳng là Nê-hoàn.

Hỏi:

- Nê-hoàn là có chẳng?

Đáp:

- Nê-hoàn là không có mà chỉ là khổ diệt, một tên là Ý tận.

Hỏi:

- Niết-bàn là Diệt?

Đáp:

- Chỉ là thiện, ác diệt! Tri hành là có lúc có thể hành bốn Ý chỉ, có lúc có thể hành bốn Ý đoạn, có lúc có thể hành bốn Thân tức, có lúc có thể hành năm Căn, năm Lục, bảy Giác ý, tám Hạnh. Đế tức là biết định loạn. Định là biết hành, loạn là chẳng biết hành.

Hỏi:

- Vì sao có năm Căn, năm Lục, bảy Giác ý, tám Hạnh?

Đáp:

- Người có năm Căn nên đạo có năm Căn, người có năm Lục nên đạo có năm Lục, người có bảy kết sử nên đạo có bảy Giác ý, hành có tám đúng nên đạo có tám thứ. Tùy bệnh cho thuốc nhân duyên tương ứng.

Mắt thọ sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, miệng nếm vị, thân tham mịn láng, đó là năm Căn.

Vì sao gọi là căn? Đã thọ sẽ lại sinh nên gọi là căn. Chẳng thọ sắc, thanh, hương, vị, trơn mịn, đó là lục. Chẳng rơi vào bảy sử là giác ý. Đã là tám đúng là thích hợp đạo hạnh.

Năm Căn là bèn ý, năm Lục làm chẳng chuyển ý. Bảy giác là ý chánh. Tám Hạnh là ý đúng.

Hỏi:

- Những gì là ý thiện? Những gì là ý đạo?

Đáp:

- Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lục, đó là ý thiện. Bảy Giác ý, tám Hạnh, đó là ý đạo. Có thiện đạo, có thiện thế gian: Từ bốn Ý chỉ đến năm Căn, năm Lục, đó là đạo thiện. Chẳng dâm, hai lười, ác khẩu, nói dối, thù dật, tham, sân, si, đó là thế gian thiện. Thấy Đê là biết muôn vật đều phải diệt, đó là thấy Đế. Muôn vật hư rã, thân phải chết, nên chẳng lấy làm lo, đó là quán Đê. Ý ngang, ý chạy, liền quở trách chế ngự được, đó là trừ tội. Các ác đến chẳng thọ là Thiên. Nhất tâm nội ý, mười hai việc là trí tuệ.

Bảy là sở tức, tám là tương tùy, chín là chỉ, mười là quán, mười một là hoàn, mười hai là tịnh. Đó là mười hai việc bên trong.

Mười hai việc ở ngoài nữa là:

1. Mắt.
2. Sắc.
3. Tai.
4. Thanh.
5. Mũi.
6. Hương.
7. Miệng.
8. Vị.
9. Thân.
10. Trơn mịn.
11. Ý.
12. Thọ dục.

Đó là mười hai việc bên ngoài.

Thuật-xà tức là trí. Gồm có ba trí:

1. Trí biết cha mẹ, anh em, vợ con của vô số đời.
2. Trí biết trắng đen, dài ngắn của vô số đời, biết điều suy nghĩ trong lòng của người khác.
3. Trí độc hại đã cắt đứt.

Đó là ba vậy.

Sa-la-nọ-đãi là sáu thông trí:

1. Thần túc.
2. Nghe thông suốt.
3. Biết ý người khác.
4. Biết vốn từ đâu đến.
5. Biết vắng sinh về chỗ nào.
6. Biết lậu tận.

Đó là sáu vậy.

Ghi chú: Kinh này căn cứ vào bài tựa đầu quyển kinh và xem kinh văn, tựa như người chép. Lẫn lộn giữa kinh và chú thích chẳng phân biệt mà chép liền với nhau. Đáng lẽ phải phân ra mà chú giải. Nhưng thường thường có nhiều chỗ chẳng thể phân ra được, nên chẳng dám tự chuyên phân tiết mà để lại cho bậc hậu hiền vậy.